

VĂN KIẾN MỚI QUO VADIS, HUMANITAS? CỦA ỦY BAN THẦN HỌC QUỐC TẾ

Suy nghĩ về Nhân học Kitô giáo trước một số
kịch bản về Tương lai của Nhân loại

Ghi chú mở đầu

Ủy ban Thần học Quốc tế không phải là một nhóm người chỉ đơn thuần cùng nhau soạn thảo một văn bản, mà là một không gian để trao đổi và thảo luận tự do, dựa trên những quan điểm phong phú của nhiều người đến từ các nền tảng rất khác nhau. Trong nhiệm kỳ 5 năm lần thứ mười, Ủy ban Thần học Quốc tế đã có cơ hội đào sâu nghiên cứu về nhân học Kitô giáo trước những thách thức văn hóa đương thời, được truyền cảm hứng từ lễ kỷ niệm 60 năm ban hành Hiến chế Mục vụ *Gaudium et Spes* (1965-2025) của Công đồng Vatican II. Công việc này được thực hiện bởi một Tiểu ban đặc biệt, do Linh mục Javier Prades López làm chủ tịch và gồm các thành viên sau: Linh mục Alberto Cozzi, Linh mục Simon Francis Gaine, OP, Linh mục Carlos Maria Galli, Giáo sư Reinhard Huetter, Linh mục Victor Ronald La Barrera Villarreal, Giáo sư Isabell Naumann, ISSM, Linh mục Josee Ngalula, RSA, Linh mục Bernard Pottier, SJ.

Các cuộc thảo luận chung về chủ đề này đã diễn ra trong các cuộc họp khác nhau của Tiểu ban và trong các Phiên họp Toàn thể của Ủy ban từ năm 2022 đến năm 2025, do Tổng thư ký, Đức ông Piero Coda điều phối. Văn bản này đã được đưa ra bỏ phiếu và được các thành viên của Ủy ban Thần học Quốc tế nhất trí thông qua trong phiên họp toàn thể năm 2025. Sau đó, văn bản được trình lên Chủ tịch, Đức Hồng Y Víctor Manuel Fernández, Bộ trưởng Bộ Giáo lý Đức tin, để phê duyệt. Sau khi nhận được sự chấp thuận của Đức Thánh Cha Leo XIV, Đức Hồng Y đã cho phép công bố văn bản này vào ngày 9 tháng 2 năm 2026.

Dẫn nhập

1. Sự phát triển nhanh chóng của kỹ thuật và khoa học gần đây đã khơi dậy sự kinh ngạc trước tiềm năng to lớn của nhân loại và cảm giác về sự vĩ đại của nó. Tuy nhiên, điều này không làm giảm đi cảm giác hoang mang của chúng ta trước sự mong manh của nó, dễ bị tổn thương bởi cái chết và bệnh tật, như đại dịch Covid-19 đã chứng minh, mà còn bị cám dỗ bởi sự cam chịu trước cái ác dường như không thể tránh khỏi của chiến tranh và xung đột, của bất bình đẳng và sự thờ ơ. Do đó, sự mâu thuẫn giữa sự vĩ đại và sự mong manh vẫn còn đó, và điều này không thể phủ nhận.

Chúng ta phải tránh mọi nỗ lực đơn giản hóa sự mâu thuẫn này bằng cách chọn phía này hoặc phía kia: chúng ta không thể phủ nhận sự mong manh và hạn chế của tự nhiên, chỉ ca ngợi sự vĩ đại và sức mạnh, có lẽ mù quáng dựa vào kết quả nghiên cứu kỹ thuật và khám phá khoa học. Chúng ta cũng không được cam chịu mọi hạn chế và mong manh của cuộc sống, quên đi tiềm năng vốn có trong bản chất thông minh và thiêng liêng của chúng ta. Chính nhiệm vụ được giao cho mỗi người chúng ta là định hình bản sắc của chính mình một cách có trách nhiệm đòi hỏi chúng ta phải tránh sự đơn giản hóa này. Khuếch đại chiều kích con người.

2. Là một con người, với phẩm giá vô hạn, không phải là điều chúng ta đã xây dựng hay mua được, mà là kết quả của một quà phúc miễn phí có trước chúng ta. [1] Và đó không phải là một quà phúc chỉ đơn giản được nhận trong quá khứ, mà là điều sinh tồn như một quà phúc trong mọi hoàn cảnh hiện hữu của chúng ta, mãi mãi, trở thành một nhiệm vụ không thể chuyển nhượng. Việc tiếp nhận quà phúc này, định hình bản sắc của chính mình, là cuộc phiêu lưu của cuộc sống, một nhiệm vụ được thực hiện một cách tự do và trong các mối tương quan mà chúng ta biết bản thân, người khác và thực tại, và do đó chúng ta có thể đóng góp độc đáo và riêng biệt của mình cho lịch sử nhân loại, tương ứng với ơn gọi của chúng ta. Quà phúc được chào đón trong một "chúng ta", một cộng đồng mà mỗi người thuộc về và trong đó chúng ta trưởng thành.

3. Kinh nghiệm tôn giáo, và đặc biệt là đức tin Kitô giáo, đề xuất việc sống trọn vẹn, không đơn giản hóa, sự mâu thuẫn này giữa sự vĩ đại và những hạn chế của nhân loại, đọc nó dưới ánh sáng của mối tương quan nguyên thủy và nền tảng với Thiên Chúa. Trong Thánh Vịnh 8, khi hướng về Thiên Chúa trong một cuộc đối thoại chân thành, người cầu nguyện tự hỏi: "Loài người là gì mà Chúa nhớ đến, con người là gì mà Chúa quan tâm?" (Thánh Vịnh 8:5). Người ấy đáp lại bằng cách ghi nhận sự vĩ đại mà Thiên Chúa đã ban cho họ trong công trình sáng tạo của Người: "Quả thật, Chúa đã dựng nên họ gần như là thần; Chúa đã đội vương miện vinh quang và danh dự cho họ. Chúa đã ban cho họ quyền cai quản các công việc của tay Chúa; Chúa đã đặt mọi sự dưới chân họ" (Thánh Vịnh 8:6-7). [2] Nghịch lý này nhận được ánh sáng rõ ràng từ mầu nhiệm Phục Sinh của Chúa Giêsu Kitô, nơi mà giới hạn, tính hữu hạn và tính phù du, cũng như sự hỗn loạn do tội lỗi gây ra, được vượt qua bởi công việc của ân sủng với ơn ban làm con Thiên Chúa, điều khiến chúng ta tham dự vào đời sống của Đấng Phục Sinh, theo kế hoạch của Chúa Cha và nhờ sự đổi mới mọi sự trong Chúa Thánh Thần.

4. Đức Giáo Hoàng Phanxicô đã đề cập đến câu hỏi trong Thánh Vịnh 8, nhấn mạnh câu trả lời của nhân học Kinh Thánh, tập trung vào các yếu tố cơ bản của mối tương quan tự do và có trách nhiệm với tạo vật, với người khác và với Thiên Chúa. Nhưng sau đó, ngài lưu ý rằng "ngày nay chúng ta nhận ra rằng các nguyên tắc lớn và các khái niệm cơ bản của nhân học thường bị đặt câu hỏi, ngay cả trên cơ sở nhận thức lớn hơn về sự phức tạp của thân phận con người, và cần được nghiên cứu thêm." [3] Đức Giáo Hoàng Leo XIV đã biện minh cho việc lựa chọn tên của mình bằng cách nhắc lại rằng "ngày nay Giáo Hội trao cho mọi người di sản học thuyết xã hội của mình để đáp ứng một cuộc cách mạng kỹ nghệ khác và những phát triển của trí tuệ nhân tạo, mang đến những thách thức mới cho việc bảo vệ phẩm giá con người, công lý và việc làm." [4]

5. Suy tư về nhân học dưới ánh sáng của mạc khải được kêu gọi để giải thích các điều kiện phức tạp của một thế giới đang trải qua những thay đổi sâu sắc đến mức được định nghĩa là "mang tính thời đại". Sự hiểu biết về nhân tính đã đạt được những kết quả rõ ràng trong lịch sử tư tưởng (đặc biệt là trong truyền thống phương Tây). Do đó, có vẻ như việc suy tư thêm nên tập trung vào việc làm rõ một số khía cạnh cụ thể của hành động con người. Thay vào đó, ngày nay, chúng ta lại một lần nữa dấn thân vào việc khám phá mầu nhiệm về con người như chính nó, trong bản sắc của nó. Những thách thức ngày nay buộc chúng ta phải từ bỏ những niềm tin chắc chắn đã được hình thành và cũng có thể khơi dậy những nỗi sợ hãi, thường không phải là không có căn cứ. Suy gẫm về nhân tính, trong nhiều lĩnh vực của đời sống bản thân và xã hội, dường như vượt ra ngoài phạm trù con người, đặt câu hỏi về tính đặc thù của chính bản chất con người.

1. Phương pháp của tài liệu nhân kỷ niệm 60 năm Hiến chế Gaudium et Spes

6. Lý trí được soi sáng bởi đức tin phải thiết lập sự so sánh giữa những chân trời nhân học mới và những nhu cầu trường tồn của thân phận con người: «Sự phân định phải phân biệt cẩn thận giữa các yếu tố tương thích với Tin Mừng và những yếu tố trái ngược với nó, giữa những đóng góp tích cực và các khía cạnh tư tưởng, nhưng sự hiểu biết sâu sắc hơn về thế giới có được từ điều này không thể không thúc đẩy chúng ta hướng tới sự đánh giá thấu đáo hơn về Chúa Kitô và Tin Mừng, vì Chúa Kitô là Đấng Cứu Thế của thế giới». [5]

7. Sự phân định này lấy cảm hứng từ việc kỷ niệm 60 năm Hiến chế Mục vụ Gaudium et Spes (1965-2025), một việc kỷ niệm hướng tài liệu này đến một sự suy tư mới liên quan đến nhân học bản thân và xã hội được đề xuất trong đó và trong Huấn quyền tiếp theo, vốn đã tiếp nhận và phát triển giáo huấn của nó. Tính chất độc đáo của Gaudium et Spes phải được nhấn mạnh, một Hiến chế của Công đồng với giá trị huấn quyền đặc biệt, được thể hiện trong cam kết xem xét cẩn thận tình trạng của nhân tính trong thế giới ngày nay. Lần đầu tiên trong lịch sử, một tài liệu tâm cỡ này đã hệ thống hóa việc đề xuất một tầm nhìn về con người được soi sáng bởi màu nhiệm của Chúa Kitô. Do đó, theo sau nó, vấn đề là phải đề xuất lại nhân học Kitô giáo ngày nay trong một cuộc đối thoại cởi mở và phê phán với những nhu cầu gần đây nhất của các nền văn hóa và kinh nghiệm của con người. Chính trong tham chiếu với Gaudium et spes, con người được đặt ở trung tâm của tài liệu, "con người toàn diện, trong sự thống nhất của thân thể và linh hồn, của trái tim và lương tâm, của trí hiểu và ý chí", [6] nhằm thúc đẩy chủ nghĩa nhân bản toàn diện và hỗ trợ "có khả năng thúc đẩy một trật tự xã hội, kinh tế và chính trị mới, được xây dựng trên phẩm giá và tự do của mỗi con người, được thực hiện trong hòa bình, công lý và đoàn kết". [7]

2. Cấu trúc của tài liệu: các phạm trù chính

8. Để thực hiện một cách thích đáng nhiệm vụ phân định phê phán trước một số kịch bản quan trọng nhất cho tương lai của nhân loại, tài liệu đề xuất bốn phạm trù chính trong mỗi chương của nó. Nó bắt đầu bằng việc xem xét khái niệm phát triển, nền tảng của nhiều đổi mới kỹ thuật và xã hội đang diễn ra. Nhu cầu đảm bảo sự phát triển toàn diện của con người sau đó dẫn đến suy gẫm về phạm trù *ơn gọi*, như một chìa khóa để hiểu biết nhân học, từ đó đề cập đến câu hỏi về *bản sắc con người*, cả bản thân lẫn xã hội. Cuối cùng, nó khám phá *điều kiện đầy kịch tính* —tức là mang tính lịch sử và tự do— vốn lên đặc điểm cho bản sắc con người, được hiểu như *ơn gọi*, và việc đối thoại của nó với những thách thức khoa học và kỹ thuật mới.

9. Suy gẫm về *sự phát triển*, một mặt, chúng ta muốn thừa nhận điều kiện lịch sử-thời gian của một nhân loại đã phát triển chưa từng có trong lịch sử, dân số tăng gấp ba lần trong vòng 70 năm. Mặt khác, định hướng này mang lại cơ hội để xem xét một cách phê phán các điều kiện sống cụ thể của các cá nhân và dân tộc trong tiến trình của thế kỷ XXI, được đánh dấu bằng sự tăng trưởng theo cấp số nhân các nguồn lực khoa học và kỹ thuật và tác động của chúng đến cuộc sống của nhân loại. Trên thực tế, sự phát triển hiện nay dao động giữa những nỗ lực nhằm cải thiện một cách cụ thể điều kiện sống của các dân tộc và giấc mơ thực sự đạt được sự thay thế con người.

10. Loại thứ hai là loại *on gọi toàn diện*, được tiếp thu lại trong *Gaudium et spes*, vì, bắt đầu từ việc phân tích các điều kiện cụ thể về thời gian, không gian và tính liên chủ thể, vốn lên đặc điểm cho kinh nghiệm chung của con người, nhân học Kitô giáo xuất hiện mang tính tương quan và đáp ứng một cách cấu thành, và do đó có trách nhiệm.

11. Khái niệm thứ ba, đó là *bản sắc*, chưa được khám phá rõ ràng trong các tài liệu trước đây. [8] Vấn đề bản sắc con người thực sự tự đặt ra như một dấu hiệu của thời đại chúng ta chính là do các chiều kích mà tiến bộ khoa học kỹ thuật đã đạt được, ngày nay dường như cho phép can thiệp vào bản chất con người mà cho đến gần đây là không thể tưởng tượng được, đến mức khuyến khích yêu sách của các cá nhân và xã hội về quyền tự quyết tuyệt đối. [9]

12. Từ khóa thứ tư của tài liệu đề cập đến quá trình đầy *kịch tính* của việc hiện thực hóa bản sắc con người. Con đường khám phá, trưởng thành và hoàn thiện của nó rất phức tạp: nó trải qua các hoàn cảnh lịch sử cụ thể, trong đó mỗi cá nhân và mỗi dân tộc phải tự do tham gia và cũng phải đối diện với rủi ro, thất bại và đau khổ. Việc con người tìm kiếm bản sắc không phải là một câu hỏi được định sẵn, áp dụng theo phương pháp suy luận. Sự mặc khải về Thiên Chúa Ba Ngôi mở ra chân trời của sự hỗ tương bất đối xứng trong cuộc gặp gỡ giữa tự do thần linh và tự do của con người (theo các phạm trù giao ước và hôn nhân trong Kinh Thánh). Trong sự hỗ tương này, tự do và tình yêu của Thiên Chúa là "tuyệt đối", vì chúng là nguyên thủy và vô điều kiện; mặt khác, tự do của con người được thức tỉnh và đáp lại, được kêu gọi quyết định vì điều thiện đích thực, phù hợp với ý muốn của Thiên Chúa. Mỗi người, khi nhận ra nhân tính mà Thiên Chúa ban cho, đại diện cho một điều gì đó mới mẻ và không thể suy luận được. Do đó, bản sắc của mỗi người phải luôn được (tái) khám phá và đích thân thực thi, nhờ vào sự đối thoại với Thiên Chúa hằng sống, trong bối cảnh các hoàn cảnh khác nhau của một nhân loại đang sống trong môi trường mà những căng thẳng mà Đức Giáo Hoàng Phanxicô gọi là "căng thẳng lưỡng cực" được trải nghiệm. [10]

3. Tập chú của tài liệu: so sánh với những thách thức của chủ nghĩa siêu và hậu nhân bản

13. Tình trạng kịch tính của quá trình lịch sử nhân bản hóa – được cứu chuộc và đưa đến sự viên mãn vô điều kiện trong Chúa Kitô – được hé mở trong nhận thức mà mỗi con người có về *sự hữu hạn của chính mình trong cuộc gặp gỡ không thể tránh khỏi với vô hạn*. [11] Con người là những sinh vật duy nhất biết mình hữu hạn và do đó phải đối diện với sự kiện này. Có thể xem xét nhiều lựa chọn mở ra trước mỗi con người: người ta có thể cố gắng làm cho sự hữu hạn trở nên tuyệt đối; người ta có thể cố gắng thoát khỏi sự hữu hạn trong một sự vô hạn giả tạo; người ta có thể cố gắng hòa giải với sự hữu hạn; người ta có thể sống trong sự căng thẳng giữa hữu hạn và vô hạn, với hy vọng về một sự viên mãn được nhận như một quà phúc.

Bốn khả năng này chứng tỏ, theo những cách khác nhau, rằng con người không thể tìm thấy sự viên mãn trong thân phận hữu hạn, mà được quy chiếu đến "cái khác của mọi sự hữu hạn", đến thể "vô điều kiện". Ít nhất họ phải quan niệm về thể đối lập của hữu hạn, ngay cả khi bị thuyết phục rằng không có gì thực sự vô hạn, vô điều kiện hay tuyệt đối. Và chính vì nhận thức được sự hữu hạn của mình, con người khao khát mãnh liệt vượt lên trên mọi thứ hữu hạn. Tất nhiên, họ cũng có thể tuyệt vọng vì sự hữu hạn không thể vượt qua của chính mình.

Tuy nhiên, các hình thức tuyệt vọng khác nhau, nếu được xem xét kỹ lưỡng, sẽ cho thấy đó là những nỗ lực của con người nhằm vượt qua sự căng thẳng giữa hữu hạn và vô hạn, bằng cách trốn tránh hữu hạn hoặc bằng cách tuyệt đối hóa nó. Một mặt, phân tích này nâng cao nhận thức về những căng thẳng là một phần kinh nghiệm của con người xuyên suốt thời gian, mặt khác, mời gọi chúng ta xem xét những hình thức mới mà chúng mang trong một số dòng tư tưởng có ảnh hưởng lớn trong xã hội đương thời, chẳng hạn như *chủ nghĩa siêu nhân bản* và *chủ nghĩa hậu nhân bản*.

14. *Chủ nghĩa siêu nhân bản* và *chủ nghĩa hậu nhân bản*, mặc dù có liên quan và đôi khi được coi là giống hệt nhau (do định nghĩa của chúng vẫn còn khá mơ hồ), nhưng lại đại diện cho những quan điểm khác nhau trong việc hiểu bản chất con người và tương lai của nhân loại.

Chủ nghĩa siêu nhân bản [transhumanism] là một phong trào triết học hoạt động dựa trên niềm tin cho rằng con người có thể và nên sử dụng các nguồn lực của khoa học và kỹ thuật để vượt qua những giới hạn về thể chất và sinh học của con người, đặc biệt là lão hóa và thậm chí là cái chết, từ đó định hình sự tiến hóa của chính họ và tối đa hóa tiềm năng của họ, đến mức thiết kế lại con người để làm cho nó phù hợp với việc tiến xa hơn. Với sự nhấn mạnh có hệ thống vào việc tăng cường năng lực cá nhân của con người, nó phát triển một quan điểm lấy con người làm trung tâm rõ rệt, tán thành một tầm nhìn mang tính ý thức hệ và ngây thơ thiếu phê phán về tiến bộ khoa học-kỹ thuật. [12]

Chủ nghĩa siêu nhân *hình dung* một tương lai trong đó con người sẽ hoàn thiện hình thức sinh học hiện tại xác định bản chất con người, để đạt được mục tiêu bất tử cá nhân, được hỗ trợ bởi kỹ thuật. Trong phạm vi không tưởng của cuộc tìm kiếm sự bất tử nội tại, *chủ nghĩa siêu nhân bản* có thể được giải thích như biểu thức hiện sinh của một giả định vừa ngây thơ vừa ngạo mạn.

15. *Chủ nghĩa hậu nhân bản*, theo nghĩa chặt chẽ, chỉ trích chủ nghĩa nhân bản truyền thống, đặt câu hỏi về tính đặc thù của con người và sự hiện hữu của một "hình thức con người" mà như vậy xứng đáng được bảo tồn vì nó mang một ý nghĩa phổ quát. Do đó, nó nhấn mạnh đến "lai ghép" (cyborg), đến mức giải cấu trúc chủ thể con người, làm cho ranh giới giữa con người và máy móc hoàn toàn linh hoạt, [13] và bác bỏ chủ nghĩa lấy con người làm trung tâm vẫn là đặc điểm của chủ nghĩa siêu nhân bản. [14] Cuối cùng, chủ nghĩa hậu nhân bản, theo nghĩa chặt chẽ, có thể được hiểu như một biểu thức hiện sinh của sự thoát ly khỏi thực tại, bắt đầu từ sự hạ thấp giá trị triết đề của con người.

16. Hiểu biết về đức tin Kitô giáo thúc đẩy chúng ta tìm kiếm sự tổng hợp của những căng thẳng sâu xa nhằm định nghĩa con người, và được đề xuất lại theo một cách mới và đầy thách thức ngày nay bởi chủ nghĩa siêu nhân bản và chủ nghĩa hậu nhân bản, trong Chúa Kitô Đấng Cứu Chuộc, đã chết và sống lại. Điều này được thực hiện mà không tạo ra các lựa chọn thay thế hoặc đối lập giữa hoặc trong chúng, như thường xảy ra trong các sự tương phản lặp đi lặp lại trong các cuộc tranh luận hiện nay giữa "bản sắc có sẵn" và "bản sắc được xây dựng", giữa "tự nhiên" và "văn hóa", giữa "chiều kích cộng đồng/xã hội" và "chiều kích cá nhân/cá thể", giữa việc thuộc về một "nền văn hóa lịch sử cụ thể" và thuộc về "nhân loại phổ quát". Trong một tầm nhìn thần học và Kitô giáo chuyên biệt, tình trạng bi kịch của quá trình lịch sử nhân hóa, bắt đầu từ sự phân cực giữa hữu hạn và vô hạn, thực sự được cứu rỗi và hoàn thiện trong

Chúa Giêsu Kitô, và không thể tìm thấy giải pháp trong một hình thức thay thế hoặc đàn áp con người nào đó.

4. Sự phân định và chiều kích giáo lý sơ truyền (kerygmatic) của thần học: ơn gọi toàn diện của con người

17. Mục đích của tài liệu này không chỉ là đưa ra một sự phân định có khả năng đánh giá những hậu quả nhân học của các phát minh khoa học kỹ thuật và các lựa chọn đạo đức tương ứng của con người và xã hội ngày nay. Nó cũng hàm ý một đề xuất mang tính tiên tri dưới ánh sáng của Tin Mừng. [15] Bản chất lý thuyết-thực tiễn của thần học bao gồm việc rao giảng đức tin (*kerygma*) và giáo dục trong một tầm nhìn về con người, trong đối thoại với sự tiến bộ của khoa học, trong đó tất cả những gì tốt đẹp có thể được tích hợp (xem 1 Tê-xa-lô-ni-ca 5:21) và những gì ngược lại là hạn chế hoặc trừng phạt đối với sự hoàn thiện cuối cùng của mỗi con người và toàn thể nhân loại có thể được khắc phục.

18. Do đó, văn kiện này hướng tới một đề xuất thần học và mục vụ tích cực liên quan đến đời sống con người được hiểu như *một ơn gọi*. Bình diện sâu sắc nhất của mọi kinh nghiệm bản thân và xã hội là được một (Người) Khác kêu gọi, trong viễn cảnh của một quả phúc đi trước và làm cho sự đáp lại trở nên khả hữu, theo một động lực của trách nhiệm chung đối với người khác và đối với Thiên Chúa. Chính sự hiểu biết lý thuyết-thực hành về con người này được cộng đồng Giáo hội mong muốn mang đến cho tất cả mọi người.

19. Tóm lại, điều đang bị đe dọa là câu hỏi về bản sắc con người, cá nhân và tập thể, trong một thế giới đang phát triển, dưới ánh sáng của ơn gọi trong Chúa Kitô, tức là sự khẳng định lại "ơn gọi toàn diện của con người". [16] Ơn gọi này được đặt trong bối cảnh của một "chủ nghĩa qui nhân có vị trí [situated anthropocentrism]", [17] tức là một tầm nhìn về thế giới mà một mặt đề cao giá trị độc nhất và trung tâm của con người giữa sự hòa hợp kỳ diệu của tất cả các sinh vật và mặt khác nhận ra rằng cuộc sống của con người là không thể hiểu được và không thể duy trì nếu không có các sinh vật khác. Trong thế giới này, ơn gọi trong Chúa Kitô là ưu tiên hàng đầu; nó đi trước và thiết lập phản ứng của người Kitô hữu, để những ảo tưởng hoặc thất vọng của cuộc hành trình không phủ nhận bản sắc con cái mà chúng ta được kêu gọi hướng tới trong Chúa Kitô thông qua ơn ban của Chúa Thánh Thần.

20. Phân tích hiện tượng học và đánh giá phê phán văn hóa trong các khía cạnh khác nhau được soi sáng bởi niềm hy vọng Kitô giáo, được xây dựng trên sự chắc chắn của đức tin vào vận mệnh tốt đẹp của mỗi người trong Chúa Giêsu Kitô, trong sự trọn vẹn của đời sống phục sinh. Đây là chân trời của mọi sự biến đổi mà một người có thể mong muốn cho chính mình và cho người khác trong hành trình lịch sử của gia đình nhân loại. Quan điểm tích cực này được củng cố đặc biệt bởi hình tượng Đức Trinh Nữ Maria, người đáp lại lời kêu gọi thần linh phản ánh tất cả vẻ đẹp của cuộc sống trong Chúa Kitô, không khép kín trong chính mình và những kế hoạch riêng, mà mở lòng đón nhận ý muốn trung thành của Chúa tể lịch sử và muôn vật.

Chương I: PHÁT TRIỂN: CHỦ NGHĨA NHÂN BẢN VÀ HẬU NHÂN BẢN

21. Chúng ta hãy bắt đầu bằng việc phân tích khái niệm "phát triển". Đó là một phạm trù hiện diện trong các cuộc tranh luận về những thay đổi đang diễn ra và liên quan đến các vấn đề xã hội và con người rất khác nhau. Chương này nhằm mục đích đặt bối cảnh cho tiềm năng của nhiều cách thức trong đó khoa học, kỹ thuật và văn hóa ngày nay hình dung về "sự phát triển"

của cá nhân, của xã hội và của thế giới hoàn cầu. Đó là một phạm trù hướng tới tương lai của nhân loại, điều mà nhiều người ngày nay cảm thấy đang gặp rủi ro và đề bảo vệ nó, người ta liên tục kêu gọi sự đóng góp của tất cả các tác nhân xã hội. Chính vì lý do này, cùng một câu hỏi được đặt ra một cách mạnh mẽ trong nhiều bối cảnh xã hội, văn hóa và chính trị: Nhân loại chúng ta đang đi về đâu? *Quo vadis, humanitas?* [18]

22. Bất cứ khái niệm nào về "phát triển" đều hàm chứa một sự hiểu biết về giá trị và nhân học cụ thể, theo đó nó đánh giá điều gì là tiến bộ hay thoái bộ, liên quan đến một lý tưởng nhất định. Để giúp nhận thức rõ hơn những thách thức này, chúng ta hãy bắt đầu bằng một trình bày ngắn gọn về giáo lý của Giáo hội về "sự phát triển" từ Công đồng Vatican II trở đi. Các văn bản của Giáo hội nhấn mạnh mối quan tâm đến một "sự phát triển toàn diện" của nhân loại, một sự phát triển tôn trọng phẩm giá và bản sắc đích thực của nhân loại, cũng như mục tiêu tối thượng của nhân loại, đó là mẫu nhiệm hiệp thông trọn vẹn với Thiên Chúa Ba Ngôi và với nhau. Sự cân bằng này có thể bị tổn hại bởi hai cám dỗ: thứ nhất, giấc mơ tạo ra một bước nhảy vọt mang tính cách mạng thông qua kỹ thuật, biến đổi nhân loại như chúng ta biết, trao quyền cho nhân loại bằng những kỳ diệu của khoa học và kỹ thuật, gần như tự sinh ra, cho phép chúng ta phát minh và "tạo ra" chính mình vượt ra ngoài những điều kiện và giới hạn của bản chất con người. Thứ hai, những giấc mơ như vậy được xây dựng trên một tầm nhìn cá nhân chủ nghĩa về cá nhân và số phận của họ, và chỉ đặt niềm tin vào những đổi mới khoa học, hy vọng chúng có thể cải thiện phúc lợi cá nhân. Tuy nhiên, trên thực tế, tác động mạnh mẽ của các quy luật vô hình của thị trường và lợi nhuận thường ảnh hưởng tiêu cực đến sự hiện hữu và tương lai của con người thực sự. Điều này đe dọa đến nhân tính chung, mối liên kết anh em một mặt, và không gian cho tự do thực sự cho những người có ít hoặc không có cơ hội.

23. Sự tăng tốc do những khám phá khoa học và kỹ thuật gây ra, được thúc đẩy bởi các điều kiện kinh tế thuận lợi và các cấu trúc chính trị, đòi hỏi chúng ta phải xác minh ý nghĩa và hướng đi của "sự phát triển" này, cả khi so sánh với các phạm trù khác, chẳng hạn như "tiến bộ" hoặc "tiến hóa" hơn là "thoái lui" hoặc "suy giảm", và trên hết là liên quan đến nhu cầu cải thiện con người, đến mức tìm kiếm một "siêu nhân". [19] Vẫn còn phải đặt câu hỏi liệu giấc mơ về một bước chuyển sang giai đoạn siêu nhân này có dẫn đến một tình trạng "phi nhân tính" hay không. Ngay cả khi chúng ta phải thừa nhận rằng mong muốn "vượt lên trên", vượt qua bản thân và điều kiện hiện tại để trở thành con người trọn vẹn, đại diện cho một sự căng thẳng cấu thành của bản chất con người. Do đó, chúng ta có thể phân biệt giữa ý nghĩa tích cực của "thăng vượt", trong đó sự mở ra với những điều vượt ra ngoài bản chất con người được thừa nhận, và ý nghĩa tiêu cực, khi ý tưởng vượt thắng ngụ ý sự thay thế hoặc đàn áp con người.

24. Ý nghĩa chính xác của việc "vượt quá" này, vốn là đặc trưng của con người, được tìm thấy trong "transumanar" được Dante diễn đạt trong Canto đầu tiên của Thiên đường, [20] cũng như trong các phương thức khác của trải nghiệm "thần thánh hóa", hữu hiệu của sự kết hợp mật thiết với Chúa bằng ân sủng hơn là sản phẩm của các kỹ thuật của con người ít nhiều tinh vi: «Chỉ nhờ cuộc gặp gỡ - hay tái gặp gỡ - với tình yêu của Chúa, biến thành một tình bạn hạnh phúc, mà chúng ta được cứu chuộc khỏi lương tâm cô lập và tính tự quy chiếu của mình. Chúng ta trở nên hoàn toàn là con người khi chúng ta hơn cả con người, khi chúng ta

cho phép Chúa dẫn dắt chúng ta vượt lên trên chính mình, để chúng ta đạt đến bản thể chân thực nhất của mình». [21] Ở bình diện diễn ngôn này, người ta có thể đo lường khoảng cách sâu xa vốn hiện hữu giữa giấc mơ "trở nên giống như các vị thần" (xem Sáng thế 3:4) của một chủ nghĩa siêu nhân bản hoặc hậu nhân bản nhất định và món quà "thần thánh hóa" được hiểu là sự tham gia vào đời sống thần thánh trong nhân tính được biến đổi của con cái Chúa trong Chúa Kitô. [22]

1. Sự phân định của Huấn quyền về phát triển và kỹ thuật

25. *Tiến bộ như sự phát triển lịch sử được giao phó cho nhân loại.* Tiếp thu nhý cầu do Gioan XXIII đặt ra để đọc "dấu hiệu của thời đại", [23] và nhận thức được tác động hoàn cầu của những chuyển đổi kỹ thuật, ảnh hưởng đến toàn xã hội, hiến chế mục vụ *Gaudium et spes* của Công đồng Vatican II đã đặt sự phát triển của kỹ thuật vào động lực tiến bộ mà qua đó nhân loại tự hiện thực hóa mình trong lịch sử: "Bằng lao động và sự khéo léo của mình, con người luôn tìm cách phát triển cuộc sống của chính mình; nhưng ngày nay, đặc biệt là với sự trợ giúp của khoa học và kỹ thuật, con người đã mở rộng và liên tục mở rộng quyền thống trị của mình trên hầu hết toàn bộ tự nhiên". [24] Tuy nhiên, cường độ phát triển, nhờ đó con người có được cho mình những thứ mà trước đây họ cho là vượt quá khả năng của mình, đặt ra một số câu hỏi: "Trước nỗ lực to lớn này, hiện đang bao trùm toàn bộ nhân loại, nhiều câu hỏi nảy sinh giữa con người: ý nghĩa và giá trị của hoạt động của con người là gì? Những thực tế này nên được sử dụng như thế nào? Mục đích của cả nỗ lực cá nhân và tập thể là gì? [25]

26. *Lời kêu gọi "phát triển toàn diện".* Những câu hỏi này lại được Đức Phaolô VI đề cập đến, người công nhận đóng góp quý giá của tiến bộ kỹ thuật là cần thiết cho tăng trưởng kinh tế và phát triển con người. Đồng thời, ngài cảnh báo về nguy cơ con người không còn là tác giả của sự tiến bộ: "Không đủ để thúc đẩy kỹ thuật khiến trái đất trở nên nhân bản hơn để sinh sống. [...] Kinh tế và kỹ thuật không có ý nghĩa gì ngoại trừ liên quan đến con người mà chúng phải phục vụ. Và con người chỉ thực sự là con người khi, làm chủ hành động của chính mình và đánh giá giá trị của chúng, chính họ trở thành tác giả của sự tiến bộ của chính mình, phù hợp với bản chất mà Đấng Tạo Hóa đã ban cho họ và những khả năng và yêu cầu được họ tự do đảm nhận". [26]

Từ mối quan tâm này, một tiêu chuẩn cơ bản nảy sinh: nếu kỹ thuật là một phần hoạt động đặc trưng của con người trong quá trình được hiện thực hóa trong lịch sử, chúng ta phải cảnh giác để đảm bảo một "sự phát triển toàn diện và liên đới", tức là sự phát triển "của mỗi người và của toàn thể con người", [27] tránh việc tôn vinh kỹ thuật như một hình thức sống thống trị, như một cách hiện hữu hấp dẫn, mà không tra vấn ý nghĩa đã thực sự được nêu ra của nó. [28]

27. *Phát triển kỹ thuật và phát triển đạo đức: vì một chủ nghĩa nhân bản toàn diện.* Đức Giáo hoàng Gioan Phaolô II, khi nêu rõ nhu cầu phát triển phải tập trung vào con người và không được đánh mất chiều kích đạo đức, đã nắm bắt được mối quan ngại phổ biến trước sự phát triển kỹ thuật dường như vượt khỏi tầm kiểm soát: «Ngày nay, con người dường như luôn bị đe dọa bởi những gì mình tạo ra, tức là bởi kết quả của công việc tay chân và hơn thế nữa, bởi công việc trí tuệ của mình» [29]. Câu hỏi cốt yếu nảy sinh liên quan đến phẩm chất "con người" của sự phát triển như vậy: «Liệu sự tiến bộ này, mà tác giả và người thúc đẩy là con

người, có làm cho cuộc sống của con người trên trái đất, ở mọi khía cạnh, “nhân bản hơn” không? Liệu nó có làm cho nó “xứng đáng với con người hơn” không? » [30]. Điều đảm bảo sự phát triển kỹ thuật như một động lực tích cực là sự chú trọng đến chiều kích đạo đức của sự phát triển và do đó là sự chú trọng đến con người, đến phẩm giá bất khả xâm phạm và trách nhiệm của họ. Mục tiêu của sự phát triển, trên thực tế, không thể được giao phó cho các quy luật hoặc cơ chế vô danh, chỉ được điều chỉnh bởi tiềm năng của những đổi mới khoa học và kỹ thuật. Sự phát triển phải luôn có một chân trời bản thân và xã hội, tương xứng với lợi ích chung và mục tiêu cuối cùng của con người. [31]

28. *Tiềm năng của kỹ thuật và sự cám dỗ tạo ra chính mình.* Đức Bê-nê-đíc-tô XVI cảnh báo chống lại giấc mơ "tạo ra chính mình" mà không tính đến quà phúc có sẵn trước chúng ta: "Sự phát triển của con người bị suy thoái nếu họ tuyên bố là người duy nhất tự tạo ra chính mình." [32] Tương tự, sự phát triển của các dân tộc bị thoái hóa nếu nhân loại tin rằng họ có thể "tái tạo" chính mình, chỉ sử dụng những kỳ diệu của kỹ thuật. Đồng thời, họ hoan nghênh giá trị tích cực của tiến bộ kỹ thuật, điều này thực sự tương ứng với một ơn gọi đích thực đến từ Thiên Chúa. [33] Tuy nhiên, chính từ đây mà sự mâu thuẫn của kỹ thuật cũng bắt nguồn: "Sự phát triển kỹ thuật có thể làm nảy sinh ý tưởng về tính tự túc của chính kỹ thuật khi con người, chỉ hỏi về cách thức, không xem xét nhiều lý do thúc đẩy họ hành động." [34] Khi con người khuất phục trước một tầm nhìn chỉ mang tính chức năng về kỹ thuật, họ có thể thấy trong đó công cụ của một sự tự do vô điều kiện, cho phép họ bỏ qua những giới hạn mà cuộc sống và vạn vật mang trong mình, mơ về ý niệm một quyền tự chủ tuyệt đối cho phép họ tạo ra hoặc tái tạo chính mình. Trên thực tế, màu nhiệm của sự sáng tạo không còn vang vọng nữa, một điều phải được tôn trọng, nhưng mọi thứ bị thu hẹp thành một "sự kiện" thuần túy, kết quả của sự ngẫu nhiên hoặc một số nhu cầu, để được khai thác theo lợi ích của các thế lực đương thời.

29. *Sức mạnh của chủ nghĩa kỹ trị và tính bền vững môi trường của sự phát triển.* Đức Phanxicô lên án những tác động tàn phá do các hình thức "chủ nghĩa kỹ trị" gây ra, trong đó con người "trần trụi và phơi bày trước quyền lực ngày càng tăng của chính mình, mà không có phương tiện để kiểm soát nó". [35] Điều còn thiếu là một đạo đức vững chắc, một nền văn hóa và một nền linh đạo biết thực sự đặt giới hạn và kiểm chế chúng trong một sự tự chủ sáng suốt. Nguồn gốc của tình trạng khó khăn này là xu hướng thiết lập phương pháp luận và mục tiêu của khoa học kỹ thuật theo một mô hình quyền lực, điều này chi phối cuộc sống của con người và hoạt động của xã hội. Trong mô hình kỹ trị này, một quan niệm về chủ thể sở hữu đối tượng được bộc lộ, dựa trên luận lý học thống trị và chuyển đổi để sử dụng và tiêu thụ cho chính mình. Như thể chủ thể phải đối diện với một thực tại vô hình, hoàn toàn mở ra cho sự thao túng. Sự can thiệp của con người vào tự nhiên không còn giới hạn ở việc đồng hành và hỗ trợ những khả năng do chính sự vật mang lại: «Bây giờ điều quan trọng là phải khai thác mọi thứ có thể từ sự vật thông qua sự áp đặt của bàn tay con người, điều này có xu hướng bỏ qua hoặc quên đi chính thực tại của những gì đang ở trước mắt. Vì lý do này, con người và sự vật đã ngừng kết bạn, thay vào đó trở thành đối thủ. Từ đây, người ta dễ dàng chuyển sang ý tưởng về sự tăng trưởng vô hạn hoặc không giới hạn». [36] Tuy nhiên, mỗi quan tâm đến những hậu quả tiềm tàng này lại đi kèm với sự kinh ngạc trước vẻ đẹp của kết quả phát triển kỹ thuật: «Khoa học kỹ thuật [...] cũng có khả năng tạo ra vẻ đẹp và khiến con

người, đắm chìm trong thế giới vật chất, thực hiện bước nhảy vọt vào cõi đẹp. Liệu người ta có thể phủ nhận vẻ đẹp của một chiếc máy bay, hay của một số tòa nhà chọc trời không? ».
[37]

30. Trong nhiều dịp, Đức Leo XIV đã bày tỏ quan điểm cởi mở mang tính phê phán đối với tiềm năng của kỹ thuật, nhấn mạnh tầm quan trọng của việc thúc đẩy một mô hình phát triển kỹ thuật phục vụ con người và lợi ích chung, đồng thời cảnh báo về những hậu quả “có hại” của sự tiến bộ không kiểm soát. Nhận thấy thách thức do “chủ nghĩa nhân bản kỹ thuật số mới [new digital humanism]” đặt ra, lan rộng và không thể đảo ngược, ngài mời gọi chúng ta biết cách sống trong đó một cách đúng đắn: “Khoa học và kỹ thuật ảnh hưởng đến cách sống của chúng ta và cách hiện hữu trong thế giới, đến mức thậm chí ảnh hưởng đến sự hiểu biết của chúng ta về bản thân, mối tương quan của chúng ta với người khác và mối tương quan của chúng ta với Thiên Chúa. Nhưng không có gì đến từ con người và sự khéo léo của con người được phép bị bẻ cong đến mức làm tổn hại phẩm giá của người khác. [...] Trước những thay đổi văn hóa, xuyên suốt lịch sử, Giáo hội chưa bao giờ thụ động; Giáo hội luôn tìm cách soi sáng mọi thời đại bằng ánh sáng và niềm hy vọng của Chúa Kitô, để phân biệt điều thiện với điều ác, điều thiện nào được sinh ra từ điều cần phải thay đổi, biến đổi, thanh tẩy”. [38]

2. Một số hậu quả nhân học của sự phát triển kỹ thuật gần đây

31. Sự phân định mang tính huân quyền về sự phát triển và những mâu thuẫn của nó trước hết thừa nhận giá trị tích cực của những đổi mới kỹ thuật, khi được sử dụng đúng cách, tạo thành một nguồn lực lớn cho nhân loại trong nhiều khía cạnh của nền văn minh và văn hóa. Do đó, nhiều người tin rằng sẽ đủ để phân biệt giữa các ứng dụng tốt và tích cực với các ứng dụng có hại và nguy hiểm, với giả định cho rằng kỹ thuật không hơn gì một công cụ trong tay chúng ta. Nhưng, như Đức Giáo hoàng Leo XIV cảnh báo, sự tăng tốc gần đây của phát triển kỹ thuật trong một số lĩnh vực cụ thể như truyền thông, quản lý dữ liệu và trí tuệ nhân tạo, kỹ thuật sinh học và robot, khiến việc phân định trở nên phức tạp và tế nhị hơn: "Nhân loại đang đứng trước ngã ba đường, đối diện với tiềm năng to lớn được tạo ra bởi cuộc cách mạng kỹ thuật số do Trí tuệ Nhân tạo thúc đẩy. Tác động của cuộc cách mạng này rất sâu rộng, làm biến đổi các lĩnh vực như giáo dục, việc làm, nghệ thuật, chăm sóc sức khỏe, hành chính, quân sự và truyền thông. Sự thay đổi mang tính thời đại này đòi hỏi trách nhiệm và sự phân định để đảm bảo rằng AI được phát triển và sử dụng vì lợi ích chung, xây dựng cầu nối đối thoại và thúc đẩy tình huynh đệ, và đảm bảo rằng nó phục vụ lợi ích của toàn nhân loại. [...] Do đó, sự phát triển của những tiến bộ kỹ thuật này phải đi đôi với sự tôn trọng các giá trị nhân bản và xã hội, khả năng phán xét với lương tâm trong sáng và sự gia tăng trách nhiệm của con người. Không phải ngẫu nhiên mà kỷ nguyên đổi mới sâu sắc này đã thúc đẩy nhiều người suy gẫm về ý nghĩa của việc làm người và vai trò của nhân loại trên thế giới." [39]

32. Mối tương quan với các công cụ kỹ thuật rất phức tạp, vì mối tương quan giữa các công cụ kỹ thuật và người dùng thể hiện tính tuần hoàn, hàm ý việc hỗ tương điều kiện hóa (reciprocal conditioning). Những người sử dụng các công cụ kỹ thuật, ở một mức độ nào đó, bị chi phối bởi những khả năng mà chúng mang lại và có thể hình dung việc tổ chức cuộc sống của họ cách khác đi. Ví dụ, việc xây dựng đường cao tốc và đường sắt cao tốc tạo điều

kiện thuận lợi cho việc phân bổ công việc trải rộng trên không gian lớn hơn và cho phép di chuyển nhanh chóng, thúc đẩy trao đổi, liên hệ và các hoạt động trên những khoảng cách trước đây không thể tưởng tượng được. Điều này dẫn đến tính di động cao hơn và cách tổ chức công việc và cuộc sống gia đình khác đi. Sự năng động này trở nên tác động mạnh mẽ hơn đến cá nhân nếu chúng ta chuyển từ các công cụ kỹ thuật, làm tăng tốc độ di chuyển (xe hơi, xe hỏa, máy bay), sang "các kỹ thuật trí tuệ", nhằm mục đích nâng cao kiến thức, tức việc chúng ta suy nghĩ những gì và suy nghĩ như thế nào (kỹ thuật kỹ thuật số, mạng xã hội, trí tuệ nhân tạo).

33. Vì đây là những công cụ gắn bó chặt chẽ hơn với sự tự hiểu biết của chúng ta, được sử dụng để tự phát biểu chính mình trong các hình thức giao tiếp xã hội khác nhau, để định hình bản sắc bản thân hoặc tập thể và vun đắp các mối tương quan với người khác, một sự chuyển đổi sâu sắc hơn sẽ diễn ra. Kỹ thuật kỹ thuật số không còn đơn thuần là một công cụ mà tạo thành một môi trường sống thực sự, với cách thức riêng để cấu trúc các hoạt động và mối tương quan của con người. Sự phát triển kỹ thuật này có tác động mạnh mẽ đến sự tự hiểu biết của cá nhân, được ghi khắc trong các tiềm năng nhận thức và thông đạt mới. Thời đại kỹ thuật số mở ra một chân trời ý nghĩa mới trong đó chúng ta suy nghĩ và thông đạt. Khái niệm về cái phổ quát cũng đang thay đổi, ít đề cập đến ý tưởng về một bản chất chung hơn là những gì được chia sẻ trong kết nối hoàn cầu. [40] Chúng ta hãy xem xét một số hàm ý nhân học xuất hiện liên quan đến các hiện tượng mới nổi, phân tích chúng trên cơ sở bốn mối tương quan cơ bản trong đó con người tự phát biểu chính mình: với môi trường, với người khác, với chính mình và với Thiên Chúa. [41]

2.1. Mối tương quan với môi trường tự nhiên

34. *Mối tương quan với môi trường* bị thay đổi bởi thực tại tổng hợp, tức là bởi cái nhân tạo, len lỏi vào các lĩnh vực thiết yếu, từ thực phẩm (bảo quản thực phẩm; sinh vật biến đổi gen) đến không gian sinh sống (đô thị hóa) đến sự biến đổi của cơ thể (kỹ thuật sinh học). Sự mở rộng của thế giới nhân tạo, với các vật liệu không có trong tự nhiên như nhựa, thép, bê tông, làm cho mối tương quan với thiên nhiên và các quy luật của nó trở nên linh hoạt và không xác định hơn, và có thể tạo ra ảo tưởng cho rằng chỉ có tự do của con người, dựa trên sức mạnh biến đổi của kỹ thuật, mới mang lại mối tương quan công bằng với thế giới thực. [42] Theo cách này, mối tương quan giữa thiên nhiên và chính văn hóa được biến đổi và trở nên phức tạp hơn: không phải thiên nhiên với các quy luật và giới hạn của nó điều chỉnh và định hướng sự phát triển, được hiểu là động lực để vượt qua các điều kiện sống bất lợi, mà là tiềm năng kỹ thuật, với các nguồn lực "vô hạn" của nó. Theo hướng này, một tư duy được dẫn dắt bởi luận lý học kinh tế về lợi nhuận tối đa thường chiếm ưu thế, theo đó thiên nhiên phải được sửa chữa, sửa đổi và biến đổi với mục đích đạt năng suất ngày càng cao. Việc khai thác tài nguyên trái đất sau đó được đẩy mạnh một cách vô độ, ví dụ như bằng cách thúc đẩy các quyết định phá rừng trên diện tích lớn để canh tác thâm canh, dẫn đến đất đai trở nên nghèo nàn. Điều này dẫn đến hậu quả bi thảm của "món nợ sinh thái", đặc biệt là giữa Bắc và Nam. [43] Một luận lý học tương tự hướng dẫn các dự án đô thị hóa hoang dã và lạm dụng, làm biến dạng toàn bộ hệ sinh thái, cũng như các chính sách khai thác vật liệu cần thiết cho các sản phẩm kỹ thuật, gây ô nhiễm toàn bộ khu vực tự nhiên. [44] Tóm lại, nhân tạo làm tương đối hóa những gì là "tự nhiên" như một tham chiếu chuẩn mực cho hành động của con người,

gây ra, ở các vùng rộng lớn trên trái đất, đặc biệt là ở phía Nam thế giới, hiện tượng suy giảm môi trường tự nhiên bị cướp bóc và tình trạng suy giảm sự tồn tại của toàn bộ dân cư, tạo ra tình trạng bất công xã hội nghiêm trọng. [45]

2.2. Mối tương quan với người khác trong thế giới kỹ thuật số

35. Mối tương quan với người khác đã được cách mạng hóa trong thời đại kỹ thuật số thông qua những chuyển đổi triệt để trong truyền thông (phương tiện truyền thông đại chúng) và thông tin (dữ liệu lớn). Những điều này đã đạt đến mức độ phổ quát, tức thời và tương tác chưa từng có, làm tăng nhận thức rộng rãi về việc thuộc về một gia đình nhân loại vĩ đại. Nhưng thường thì, một cá nhân "trực tuyến" có thể cảm thấy mình như một hạt bụi không đáng kể trong một thế giới không thể kiểm soát và do đó làm mất ổn định dòng chảy thông tin, điều này thúc đẩy chúng ta phát triển bản sắc của mình trong các kết nối ảo (liên hệ) không có thời gian hoặc địa điểm. Khối lượng dữ liệu khổng lồ mà chúng ta đang chìm đắm, luôn luôn được sửa đổi và do đó luôn biến đổi, làm tăng cường nhận thức của chúng ta về sự phức tạp của thực tại, tạo ra các hiện tượng lo lắng, bất an và sợ hãi.

36. Trong bối cảnh phức tạp ngày càng tăng này, những tiến bộ trong trí tuệ nhân tạo cung cấp một phương pháp để quản lý dữ liệu được tổ chức theo thống kê và phát triển các giải pháp hữu hiệu dựa trên các thuật toán mà không phải lúc nào cũng có thể kiểm soát được bởi các cá nhân, và đôi khi thậm chí không phải bởi các công ty hoặc nhà nước (các thuật toán của một số hệ thống chưa được tiết lộ cho bất cứ cơ quan công quyền nào). Các mục tiêu phát triển được quản lý trực tiếp bởi hệ thống. Do đó, sức mạnh của trí tuệ nhân tạo nổi lên, với khả năng quản lý một lượng dữ liệu khổng lồ, xác định các mối tương quan và đề xuất các quyết định dựa trên các suy luận mà con người không thể tính toán được.

37. AI thực sự đề cập đến một lĩnh vực nghiên cứu và ứng dụng rộng lớn có nhiều tác động đến cuộc sống của con người, cả trong công việc và trong cuộc sống gia đình và xã hội. [46] Không đi sâu vào phân tích các hình thức khác nhau của AI, điều hữu ích là làm rõ sự khác biệt giữa AI theo nghĩa hẹp, với nhiều ứng dụng của nó, và trí tuệ nhân tạo tổng quát (GAI). [47] Sự phân biệt này làm nổi bật hai điểm khác biệt các cách khác nhau để hình dung trí tuệ nhân tạo và tường tượng ý nghĩa và cách sử dụng của nó. AI theo nghĩa hẹp cung cấp khả năng xử lý nhanh chóng lượng lớn dữ liệu thông qua các thuật toán xử lý các hoạt động phân tích phức tạp và tính toán xác suất, bao gồm các hệ thống AI tự động tạo dữ liệu huấn luyện và tinh chỉnh các quy trình nội bộ của chúng. Các hình thức sử dụng phổ biến trong bối cảnh dân sự (cá nhân và doanh nghiệp) và quân sự ở nhiều nơi trên thế giới. [48]

38. AI đề cập đến một kỹ thuật phổ biến trong tương lai có khả năng thay thế tất cả các khía cạnh tính toán và hoạt động của trí tuệ con người nhờ tốc độ tính toán cực cao được thực hiện nhờ sự phát triển trong tương lai của bộ xử lý lượng tử. Nếu các khía cạnh cụ thể của trí tuệ con người bị làm suy yếu hoặc bỏ rơi một cách có ý thức, AI có thể tạo ra những hậu quả sâu xa có nguy cơ vượt khỏi tầm kiểm soát của lý trí con người. Do đó, một số người đưa ra giả thuyết cho rằng AI sẽ được yêu cầu quản lý các vấn đề mà nó tạo ra, theo một động lực sẽ trở nên không thể đảo ngược. Chu kỳ luận quản này được một số người trình bày như một quá trình gần như cần thiết, tương tự như các quá trình tự nhiên, một số phận sẽ dẫn đến những hậu quả cực đoan mà chính con người ban đầu đã gây ra.

39. Trong nhân học cơ bản, người ta phải đặt câu hỏi liệu sự hiểu biết về con người như là *homo faber* và *homo technologicus*, được hỗ trợ cả về cá nhân và tập thể bởi một trí tuệ nhân tạo (AI) tinh tế chi phối và quyết định mọi khía cạnh của cuộc sống, có thể được coi là toàn diện hay không. Kết quả là một thế giới "siêu kết nối", với sự gia tăng không ngừng của các động lực kinh tế, chính trị, xã hội và quân sự, có nguy cơ trở nên không thể kiểm soát và do đó không thể quản lý được. Trong một thế giới như vậy, hành động của con người tự nó trở thành vật chất để được phân tích và định hình theo các mục tiêu quyền lực hoặc thị trường không phải lúc nào cũng minh bạch. Kiểm soát xã hội và nguy cơ thao túng gia tăng.

40. Ở bình diện áp dụng, AI theo nghĩa chặt chẽ đặt ra các vấn đề liên quan đến độ tin cậy của dữ liệu và các tiêu chuẩn mà các lập trình viên xử lý chúng để làm cho chúng khả dụng. Không rõ những định kiến hoặc hệ thống quyền lực nào ảnh hưởng đến công việc. Đặc biệt, những nghi ngờ nghiêm trọng nảy sinh liên quan đến các quy trình ra quyết định tự động, dựa trên AI, trong các lĩnh vực nhạy cảm của đời sống con người: khi quyết định có cung cấp dịch vụ chăm sóc y tế hay không, hoặc có cho vay hay thế chấp hay bảo lãnh bảo hiểm hay không, hoặc khi chuẩn bị các vụ án hình sự tại tòa án, hoặc khi đánh giá hành vi của tù nhân và khả năng tái phạm nhằm giảm án, hoặc khi lựa chọn các cuộc tấn công quân sự hay can thiệp của cơ quan thực thi pháp luật. [49]

41. Về AI, có một cuộc chạy đua quyết liệt để ngày càng thu hẹp khoảng cách giữa việc tự cải thiện các hệ thống AI và việc đạt được AI. Mặc dù mục tiêu vẫn còn xa vời, nhưng nó đang được theo đuổi với quyết tâm cao độ, nhưng đôi khi thiếu sự thận trọng xuất phát từ nhận thức khôn ngoan rằng điều tốt đẹp luôn bao gồm một giới hạn và tỷ lệ thích hợp. Cho dù là một giấc mơ xa vời hay một sự đổi mới sắp tới, hình thức AI tổng quát này kích thích việc tìm kiếm sự hiểu biết sâu sắc hơn về bản chất của trí tuệ con người, tính độc đáo của nó giữa các sinh vật sống, tính không thể thay thế của nó, đặc biệt là liên quan đến trách nhiệm đạo đức và sự cởi mở vốn có của nó đối với tính siêu việt. Một loại kiến thức và tính toán không cần đến trí tuệ hiện thân (embodied) và định vị, cũng như một loại kiến thức tương quan được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác thông qua các quá trình giáo dục dựa trên bản sắc và ý nghĩa được gán cho số phận và vai trò của người ta trên thế giới, tạo thành mối đe dọa đối với lợi ích thực sự của nhân loại. Tuy nhiên, những giấc mơ về chủ nghĩa *siêu nhân bản* dựa trên loại kiến thức này mà không có cơ thể, giới hạn, ràng buộc hoặc ý thức đạo đức, một điều cả trong chủ nghĩa *hậu nhân bản*, còn đi xa đến mức tưởng tượng ra một bước nhảy vọt về mặt tiến hóa. Sự tưởng tượng này đặt ra một cách mạnh mẽ câu hỏi về mục tiêu cuối cùng của tiến bộ kỹ thuật. [50]

42. Trong bối cảnh này, chúng ta có thể hiểu được việc *truyền đạt liên ngã* [interpersonal communication] đã trải qua những thay đổi sâu sắc như thế nào trong *xã hội của truyền thông đại chúng* (đài phát thanh, truyền hình, internet, *các phương tiện truyền thông xã hội*), đặc biệt là trong thời gian gần đây. Sự phát triển khoa học kỹ thuật này mang lại nhiều lợi thế, chẳng hạn như quyền công dân tích cực hoặc thông tin trực tiếp và có sự tham gia nhiều hơn ở cấp độ xã hội và chính trị. Nhưng thường thì, các mối liên hệ được tạo ra mà không có ràng buộc, các mối tương quan chức năng mà không có tình liên đới thực sự, trong một thị trường tin tức và dữ liệu cá nhân vô tận, không phải lúc nào cũng có thể kiểm chứng và thường bị thao túng. Truyền thông không phải lúc nào cũng hoàn toàn minh bạch. Sự phổ biến của các

phương tiện truyền thông xã hội, vốn đã trở nên không thể thiếu đến mức khiến sự hiện hữu của gia đình nhân loại không thể tưởng tượng được nếu thiếu chúng, đòi hỏi sự cảnh giác cao hơn đối với các ảnh hưởng văn hóa và kinh tế. Đây không phải là những phương tiện trung lập: "Thông thường, những quan điểm nhấn mạnh bản chất nghiêm ngặt kỹ thuật của *các phương tiện truyền thông*, thực chất đã tạo điều kiện buộc chúng lệ thuộc vào tính toán kinh tế, vào mong muốn thống trị thị trường và, không kém phần quan trọng, vào mong muốn áp đặt các thông số văn hóa nhằm phục vụ các dự án quyền lực ý thức hệ và chính trị." [51] Ảnh hưởng của chúng đối với chiều kích đạo đức-văn hóa của việc hoàn cầu hóa đã đặt nghi vấn cho nhân học. [52]

43. Trong nhiều lĩnh vực của không gian thông tin, người ta nhận thấy sự khẳng khái muốn được công nhận, liên tục chia sẻ suy nghĩ và cảm xúc trực tuyến, những điều phải được "người khác công nhận". Mặc dù nhu cầu được công nhận là chính đáng của con người, hiện tượng thái quá này là một triệu chứng của sự không chắc chắn về bản sắc. [53] Chính vì bản sắc phải được "tạo ra" mà không có yêu cầu khách quan bên ngoài (thiên nhiên, giá trị văn hóa, vai trò xã hội, phong tục chung), nên bản sắc trở nên yếu hơn: nó gọi lên sự công nhận nhưng phải thương lượng, thu hút, chinh phục nó, thậm chí bằng cách la hét hoặc bóp méo thực tại. Ngày nay, cái tôi đấu tranh với hy vọng được ai đó công nhận, nhưng nó thường làm như vậy bằng cách khẳng định các quyền cá nhân của mình chống lại người khác, thách thức người khác. Điều này làm gia tăng các xung đột xã hội, thường trở thành xung đột bản sắc. Cuộc khủng hoảng đang diễn ra của các nền dân chủ phương Tây không thể được hiểu nếu không tính đến khó khăn ngày càng tăng này trong việc công nhận chung những gì gắn kết chúng ta với tư cách là con người. Bối cảnh này mở đường cho những nhà lãnh đạo chính trị đưa ra những quyết định quan trọng chỉ dựa trên ý chí của họ.

44. Một lĩnh vực xã hội nhạy cảm, là triệu chứng của những tác động đạo đức và văn hóa có thể có của *phương tiện truyền thông xã hội*, là thế giới của trẻ em và thanh thiếu niên: «Internet và mạng xã hội đã tạo ra một cách truyền đạt và thiết lập mối tương quan mới, và "là nơi mà những người trẻ tuổi dành nhiều thời gian và dễ dàng gặp gỡ?» [54] Về mặt tích cực, các phương tiện truyền thông này mang đến những cơ hội mới cho đối thoại, thường là nguồn thông tin độc lập, bảo vệ những người dễ bị tổn thương nhất và tố cáo các vi phạm nhân quyền. Nhưng chúng cũng có những hạn chế và rủi ro nghiêm trọng: «Môi trường kỹ thuật số cũng là lãnh địa của sự cô đơn, thao túng, bóc lột và bạo lực, cho đến trường hợp cực đoan của *mạng đen tối*. [...] Các hình thức bạo lực mới đang lan rộng qua mạng xã hội, ví dụ như bắt nạt trên mạng; mạng cũng là kênh để phát tán nội dung khiêu dâm và bóc lột người dân vì mục đích tình dục hoặc thông qua cờ bạc». [55]

45. Các hình thức truyền thông xã hội mới có tác động mạnh mẽ đến tranh luận chính trị bởi vì, một mặt, có thể thử nghiệm các phương pháp dân chủ trực tiếp, trong đó mọi công dân có thể phát biểu và cho mọi người biết quan điểm của mình có thể mang lại nhiều lợi ích, nhưng mặt khác, nó cũng có thể tạo ra sự phân cực mạnh mẽ giữa các nhóm có suy nghĩ khác nhau, dẫn đến xung đột và bạo lực giữa họ, coi nhau như kẻ thù chỉ vì họ có suy nghĩ khác biệt. Bản thân sự giao lưu xã hội cũng trải qua quá trình "chia thành các bộ lạc", phân mảnh xã hội thành các nhóm quan điểm được đồng nhất hóa bởi "lướt thích". Tranh luận chính trị có nguy cơ không còn dựa trên những lập luận chung, mà dựa trên các phe đối lập trong một luận lý

học quyền lực do các nhóm gây áp lực thúc đẩy. "Đối thoại xã hội" kiên nhẫn xây dựng sự đồng thuận từ dưới lên, bắt đầu từ một thể giới chung và những mối liên kết liên đới, thường thiếu vắng: "Những mạch kín này tạo điều kiện cho việc lan truyền thông tin và tin tức sai lệch, kích động định kiến và thù hận." Sự lan tràn của tin giả là biểu hiện của một nền văn hóa đã đánh mất ý thức về sự thật và bề cong sự thật để phục vụ lợi ích riêng. [56]

2.3. Hiểu bản thân: ý thức và tính thể xác

46. Cuộc cách mạng thông tin ("Quyền thông tin [infosphere]") đang thay đổi cách thức vận dụng kiến thức: nó không còn là vấn đề phát triển các lý thuyết để giải thích dữ liệu và tìm giải pháp cho các vấn đề, mà là thiết lập mối tương quan giữa dữ liệu và tính toán tỷ lệ thành công. Rủi ro là, theo cách này, chúng ta có xu hướng vượt ra ngoài kiến thức phê phán, trong khi việc ủy thác một số hoạt động nhất định như tính toán, suy luận, dịch thuật, có thể làm giảm sự nhanh nhẹn về tinh thần và khả năng sáng tạo của cá nhân. Nhưng mối nguy hiểm lớn nhất là việc thu hẹp chân trời kiến thức của con người, giới hạn nó ở những hình thức kiến thức tương ứng với những gì AI có thể xử lý, với tác động mạnh mẽ đến môi trường giáo dục (trong trường học và đại học). [57] Các câu hỏi về ý nghĩa và đạo đức, mà còn cả các câu hỏi triết học (siêu hình học) và thần học, có thể bị loại trừ vì không liên quan. Do đó, AI có thể quyết định một cách hữu hiệu những gì được phép biết, đẩy các câu hỏi khác vào lĩnh vực chủ quan hoặc các câu hỏi về thị hiếu. Tự nhận thức bản thân có thể được coi là một chuỗi thông tin được chuyển lên phương tiện truyền thông kỹ thuật số có khả năng đề kháng hơn da thịt con người và được tổ chức theo thuật toán, trong khi nhận thức giác quan được tăng cường bởi cuộc cách mạng kỹ thuật số (người máy, khoa học thần kinh, internet), giúp hình ảnh, âm thanh và các tình huống trực tiếp trở nên khả dụng, tạo ra những cảm xúc mạnh mẽ trong một hệ thống truyền thông tức thời và do đó không cần đến sự trung gian của ý nghĩa vốn cho phép hiểu và tranh luận.

47. Với sự phát triển của *kỹ thuật sinh học*, khoa học thần kinh và lập bản đồ DNA, kết hợp với những tiến bộ trong dược học và robot học (cyborgs=người máy sinh học), đang làm thay đổi *tri nhận về cơ thể* và ý nghĩa của nó. Những lợi ích rõ rệt đối với sức khỏe và phúc lợi của nhiều bộ phận dân cư cần được ghi nhận: các chiến dịch phòng ngừa, chẩn đoán sớm và đánh giá rủi ro của các liệu pháp khác nhau hoặc tác dụng phụ của thuốc đối với cơ thể đã cải thiện đáng kể các lựa chọn can thiệp y tế và do đó, sức khỏe cộng đồng. Nhưng chúng ta không thể bỏ qua những xu hướng biến cơ thể thành vật thể sinh học để được tăng cường, biến đổi và định hình lại theo ý muốn, với giấc mơ đạt được điều kiện hiện hữu có khả năng tránh đau đớn, lão hóa và cái chết. Đặc biệt ở phương Tây, những tiến bộ trong phẫu thuật thẩm mỹ, kết hợp với dược học (điều trị hormone, các chất tăng cường cảm xúc hoặc sự tập trung) cung cấp các công cụ làm thay đổi đáng kể mối tương quan với cơ thể của chính mình và do đó với thực tại và với người khác. Điều này dẫn đến một "sự sùng bái cơ thể" lan rộng, hướng tới việc tìm kiếm điên cuồng một hình thể hoàn hảo, luôn luôn khỏe mạnh, trẻ trung và xinh đẹp. Một khi được sửa đổi, thường với một cơn cuồng loạn không ngừng, cơ thể trở thành một vật thể mà trong đó chủ thể-ngôi vị phản chiếu chính mình, tạo ra một mối tương quan đến nỗi người đó không còn là cơ thể của mình nữa mà "sở hữu" một cơ thể, từ đó anh ta cố gắng tìm kiếm một bản sắc "vay mượn". Trong động lực này, không còn cần thiết phải chấp nhận cơ thể của chính mình để nhận ra bản sắc của chính mình. Nó có thể được biến đổi theo thị hiếu

của thời điểm. Một tình huống kỳ lạ được tạo ra: cơ thể lý tưởng được tôn vinh, được tìm kiếm và trau dồi, trong khi cơ thể thực sự không được yêu thương, là nguồn gốc của những hạn chế, mệt mỏi, lão hóa. Một cơ thể hoàn hảo được mong muốn, trong khi người ta mơ ước thoát khỏi cơ thể cụ thể của chính mình và những hạn chế của nó. [58]

2.4. Mối tương quan với Thiên Chúa

48. Kỹ thuật kỹ thuật số mang lại nhiều cơ hội cho các tôn giáo huy động các nguồn lực của truyền thông kỹ thuật số để phục vụ sứ mệnh của họ. Internet ngày nay là một "nơi" mà người ta có thể tìm thấy nhiều đề xuất tích cực cho đời sống tôn giáo và đời sống Kitô giáo, tạo điều kiện thuận lợi cho kiến thức và thông tin theo những cách không thể tưởng tượng được cho đến gần đây. Chỉ cần nhớ lại mức độ "bùng nổ" của truyền thông tôn giáo trong đại dịch Covid-19 là đủ. [59] Mặt khác, có nguy cơ rất nhiều tôn giáo kỹ thuật số sẽ tràn ngập internet như một "thị trường tôn giáo" khổng lồ, cung cấp nhiều lựa chọn theo sở thích cá nhân. Đây là những sản phẩm tôn giáo không có mối liên hệ thực sự hoặc sự gắn bó cộng đồng, gần gũi hơn với thị hiếu cảm xúc của cá nhân hơn là một trải nghiệm chung. Người ta cũng có thể nghi ngờ tính chất giáo hội đích thực của một số hình thức truyền thông Kitô giáo trên mạng xã hội, đặc biệt khi nó được sử dụng để gây tranh cãi, tạo ra sự chia rẽ và thậm chí phá hủy danh tiếng tốt của người khác. Hơn nữa, một số hoạt động tâm linh trực tuyến mới này cuối cùng dẫn đến sự biến đổi trong hệ thống niềm tin, vì kỹ thuật kỹ thuật số có sức ảnh hưởng mạnh mẽ đến hình ảnh tôn giáo. Thông thường, kết quả là một mô hình mới định nghĩa lại bản sắc tôn giáo: bản thân kỹ thuật cũng đóng vai trò là người hướng dẫn tâm linh và trung gian của cõi thánh thiêng. Thật vậy, tín hữu của nhiều tôn giáo và những người tìm kiếm tâm linh thường đặt niềm tin một cách bừa bãi vào các công cụ tìm kiếm trực tuyến, khiến cho sự trung gian của con người đối với cõi thánh thiêng trở nên thừa thãi, được thay thế bởi kỹ thuật kỹ thuật số. Các trường hợp cực đoan bao gồm yêu cầu ban phước lành và trừ tà ảo, chủ nghĩa tâm linh kỹ thuật số và "các tôn giáo giả" ba chiều.

49. Niềm tin này vào một thế giới do máy móc cai trị, không chỉ tạo điều kiện thuận lợi cho việc cung cấp các nguồn lực tôn giáo mà còn cho việc tiếp nhận trực tiếp các đề xuất về ý nghĩa của cuộc sống và tiếp cận với thần thánh thông qua kỹ thuật kỹ thuật số, không xa luận lý học siêu nhân bản và hậu nhân bản: tôn giáo kỹ thuật số tự thể hiện như thể nó thậm chí có sức mạnh để tạo ra một "Thiên Chúa theo hình ảnh và giống như chính nó" để đề xuất cho một nhân loại đặt niềm tin hoàn toàn vào kỹ thuật. "Chúa sống" có thể được thay thế bằng một "Chúa ảo" với tuyên bố "cứu rỗi" nhân loại dựa trên các hoạt động kỹ thuật được cung cấp cho khát vọng tâm linh của con người. [60]

50. Tóm lại, những biến đổi này ảnh hưởng đến mối tương quan với Mầu nhiệm về nguồn gốc và mục đích cuối cùng của cuộc sống con người. Khi con người giảm thiểu bản chất được tạo ra (con người, vũ trụ) thành vật chất để biến đổi, họ không còn thể hiện vinh quang của Đấng Tạo Hóa nữa, mà là thay thế Người. Điều tương tự cũng xảy ra khi nhiệm vụ mang lại ý nghĩa cho sự tồn tại và chỉ ra mục đích cuối cùng được đồng nhất với việc thực hiện tiềm năng kỹ thuật. Trong bối cảnh này, các truyền thống tôn giáo và tâm linh vẫn có điều gì đó thiết yếu và không thể thiếu để đóng góp liên quan đến sự khôn ngoan của việc sống trong mối tương quan với Thiên Chúa. [61]

3. Tác động văn hóa của các cuộc cách mạng kỹ thuật: để phân định một cách phê phán

51. Tác động của sự chuyển đổi nhân học liên quan đến phát triển khoa học và kỹ thuật đã và đang để lại dấu vết trong trí tưởng tượng xã hội của văn hóa đại chúng, nhưng đạt đến đỉnh cao nhất trong các phong trào siêu nhân bản và hậu nhân bản. Việc nghiên cứu các huyền thoại được xây dựng bởi văn hóa đại chúng về tương lai của nhân loại (khoa học viễn tưởng, các tác phẩm phản địa đàng) và phân tích phê bình các nguyên tắc nền tảng của các phong trào siêu nhân bản và hậu nhân bản làm nổi bật tầm quan trọng và phạm vi của những thay đổi nhân học đang diễn ra.

52. Trí tưởng tượng xã hội, được thể hiện trong điện ảnh, tiểu thuyết và phim truyền hình, mà còn trong các tác phẩm văn học, nghệ thuật và âm nhạc, cho thấy sự nhận thức sâu sắc về những hy vọng và rủi ro liên quan đến những thế giới tương lai có thể xảy ra. Điện ảnh đã tưởng tượng ra các kịch bản có thể xảy ra liên quan đến dịch bệnh và thảm họa hoàn cầu từ rất lâu trước khi phải đối diện với đại dịch Covid-19. Các tác phẩm phản địa đàng đã truyền cảm hứng cho chủ đề của nhiều bộ phim và tiểu thuyết quan trọng nhất kể từ thế kỷ 20, tạo ảnh hưởng đáng kể đến các hình thức văn hóa đại chúng này. Những tác phẩm nghệ thuật này truyền tải nhận thức về tính tất yếu của một quá trình phát triển kỹ thuật sẽ có tác động đáng kể đến cuộc sống của con người và vận mệnh của nhân loại, trong nhận thức về những rủi ro liên quan. Do đó, nỗi sợ hãi thường nảy sinh liên quan đến những điều chưa biết đi kèm với sự tiến hóa không thể kiểm soát của máy móc hoặc thiết bị kỹ thuật, có thể dẫn đến việc tạo ra những chủ thể tự trị cả trong việc quyết định tương lai và thống trị hành tinh.

53. Phim và tiểu thuyết khoa học viễn tưởng giúp nâng cao nhận thức về nhiều câu hỏi khó khăn liên quan đến bản sắc và vận mệnh của nhân loại, do đó được đưa ra thảo luận. Chúng đặt câu hỏi về giá trị tiềm năng của tình cảm và những mối liên kết nào là có thể; hoặc những thế lực mạnh mẽ nào sẽ dẫn dắt sự tiến bộ. Chúng tưởng tượng ra những kịch bản ảm đạm trong đó các hình thức bóc lột mới đối với những người yếu thế nhất sẽ được áp đặt, có thể bị biến thành vật liệu sống cho các thí nghiệm nguy hiểm. Loại hình cấu trúc xã hội cũng gây ra những lo ngại, khiến người ta không chắc chắn liệu nó sẽ mang tính chất ưu tú và bất bình đẳng, đồng nhất hóa và thù địch với tự do cá nhân, hay cởi mở và đa nguyên, dân chủ và có sự tham gia; liệu sẽ có một chế độ đầu sỏ kỹ trị [technocratic oligarchy] thống trị hay một tổ chức chính trị tốt hơn dựa trên phẩm giá con người và lợi ích chung? Cuối cùng, tác động môi trường của sự tiến bộ được nhìn nhận với mối quan ngại: ô nhiễm nào sẽ xảy ra, nguồn năng lượng nào sẽ có sẵn và với giá nào? Chất lượng cuộc sống sẽ ra sao? Những câu hỏi phổ biến này cho thấy sự mâu thuẫn mạnh mẽ giữa một mặt là niềm tin không nghi ngờ vào kỹ thuật và khả năng tự điều chỉnh của nó, và mặt khác là sự nghi ngờ về việc sử dụng đúng đắn kỹ thuật, với sự nghi ngờ rằng lợi ích ngầm của một số nhóm vận động hành lang quyền lực có thể dẫn đến những hậu quả tàn khốc.

54. Ngày nay, chính *các phong trào siêu nhân bản và hậu nhân bản* cung cấp khuôn khổ khái niệm và tường thuật mà trong đó hình dung về tương lai của nhân loại nổi lên mạnh mẽ nhất. Hai hình thức diễn giải và quy hoạch văn hóa này, ít nhiều mang tính ý thức hệ, về tiềm năng của kỹ thuật thúc đẩy trí tưởng tượng tập thể với yêu cầu về sự chặt chẽ lý thuyết hơn để đưa ra dự đoán thực tế về tương lai của nhân loại. Cuối cùng, đây là một đề xuất cho một tầm

nhìn mới về thực tại, kéo theo một nền nhân học mới. Chúng có thể được coi là "hệ thống" tư tưởng thúc đẩy một cuộc thập tự chinh ủng hộ khoa học và sự tiến bộ của nó, dựa trên khẩu hiệu: "mọi thứ kỹ thuật có thể làm đều phải được thực hiện để cải thiện điều kiện sống của con người." Điều này do đó sẽ mở đường cho một giai đoạn mới, chưa từng có trong lịch sử loài người.

55. Trong bối cảnh các đề xuất của các phong trào này, người ta có thể thấy sự áp dụng không hạn chế và thậm trọng khái niệm nâng cao năng lực con người: một khái niệm chủ yếu thuộc lĩnh vực y sinh học, được sử dụng rộng rãi trong lĩnh vực kỹ thuật sinh học. Nó có thể được định nghĩa là tập hợp các kỹ thuật y sinh học, di truyền học, dược lý học và điều khiển học nhằm mục đích cải thiện khả năng thể chất, nhận thức hoặc giác quan của con người vượt ra ngoài mức bình thường hoặc trung bình. Các lĩnh vực ứng dụng của nó bao gồm: việc giới thiệu các bộ phận giả tiên tiến để nâng cao hiệu suất thể chất hoặc tinh thần của con người, bao gồm cả thông qua các thiết bị kỹ thuật và điện tử được cấy ghép vào cơ thể người; việc sử dụng các kỹ thuật thụ tinh nhân tạo cho con người; và việc sử dụng các loại thuốc giúp tăng cường khả năng thể chất và nhận thức của con người trong thể thao, công việc thể chất hoặc tinh thần và hoạt động quân sự. Giờ đây, chính đề xuất về việc *nâng cao năng lực con người* đã thúc đẩy một sự suy gẫm nghiêm túc về *chủ nghĩa siêu nhân bản*, đến mức nó mời gọi chúng ta đặt câu hỏi: "Đến mức độ nào thì việc cải thiện điều kiện sống, nâng cao hiệu suất, vượt qua những hạn chế, trong khi vẫn duy trì lợi ích của con người như mục tiêu chính là được phép?" Thật vậy, trong bối cảnh *nâng cao năng lực con người*, người ta nhận thấy rằng, để thực sự là con người, bất cứ mong muốn nào nhằm cải thiện điều kiện sống của con người đều phải duy trì sự cân bằng giữa khả năng kỹ thuật và cảm thức nhân bản.

56. Từ những suy gẫm trên đây, chúng ta nắm bắt được tầm quan trọng của việc đặt câu hỏi nhân học vào trung tâm, không phải hỏi làm thế nào để "vượt qua giới hạn của con người", mà là điều gì làm cho sự hiện hữu của chúng ta "thực sự là nhân bản". Dưới ánh sáng của câu hỏi nhân học cơ bản này, có thể phát triển một số tiêu chuẩn để phân định một cách phê phán về nhân học làm nền tảng cho các phong trào triết học và văn hóa này.

57. Yếu tố có vấn đề đầu tiên là *sự phán xét tiêu cực về tình trạng của con người như hiện tại, và cuối cùng là về bản sắc của nó*. Điều này làm nảy sinh giấc mơ tái tạo nó, một giấc mơ được thúc đẩy bởi sự bất mãn với những gì hiện hữu trong nó như hiện tại, với những hạn chế và khiếm khuyết của nó. Tuy nhiên, chúng ta phải tự hỏi liệu "sự oán giận" đối với cuộc sống thực có phải là một điểm khởi đầu tốt cho sự tiến bộ hay không, hay đúng hơn là một cảm dỗ để nổi loạn hoặc trốn tránh thực tại. Đây không phải là một cuộc đấu tranh cần thiết để thay đổi các điều kiện và cấu trúc bất công, mà là sự bác bỏ bản chất của sự vật và của chính chúng ta. Đặc biệt, cần phải cảnh báo chống lại nhận thức tiêu cực cơ bản về thể xác, vốn có thể được coi là một trở ngại hơn là một phần không thể thiếu của bản sắc con người.

58. Khía cạnh thứ hai, liên quan đến khía cạnh thứ nhất, là *giấc mơ duy hoàn hảo cá nhân và ưu tú chủ nghĩa*. Đường như mỗi con người cụ thể chỉ có thể tồn tại hoặc được chấp nhận với điều kiện là họ "trở nên hoàn hảo hơn". [62] Đến mức người ta nên đặt câu hỏi liệu tình trạng hiện tại của con người có còn quyền hiện hữu hay không, hay liệu những con người cụ thể đã trở nên "thừa thãi". Một số lý thuyết siêu kỹ thuật dường như thách thức nguyên tắc cơ bản

được thừa hưởng từ chủ nghĩa nhân bản: "hành động sao cho tác động của hành động của bạn tương thích với sự tồn tại của cuộc sống đích thực của con người trên trái đất. Hành động sao cho tác động của hành động của bạn không phá hủy khả thể tồn tại trong tương lai của một cuộc sống như vậy". [63] Nguyên tắc này thậm chí có thể được coi là một hạn chế không cần thiết và có hại đối với tiến bộ kỹ thuật.

59. Yếu tố thứ ba là *tác động xã hội của tầm nhìn này về nhân loại*. Thật vậy, điều này có thể dẫn đến sự phân tách giữa một dạng nhân loại ưu việt, được trang bị những công cụ giúp họ đạt đến mức bất tử, và một dạng nhân loại nguyên thủy, tiền kỹ thuật, cuối cùng sẽ bị diệt vong. Không rõ điều gì sẽ quyết định trạng thái khác nhau mà nhân loại có thể đạt được: sự giàu có, văn hóa, thừa kế, sự cởi mở trong việc thử nghiệm hay phát minh. Thậm chí, cũng không rõ ai sẽ có quyền đưa ra quyết định. Từ góc nhìn này, các mối liên kết giữa con người có nguy cơ biến mất, cũng như việc thuộc về một dân tộc và một nền văn hóa mà dựa vào đó có thể đánh giá lợi ích chung. Hơn nữa, xét rằng nhiều cấu trúc xã hội và chính trị phát sinh từ những nhu cầu chung và việc tổ chức các định chế và mối tương quan có khả năng giải quyết những thách thức này (bệnh viện, trường học, nhà tù và trung tâm phục hồi chức năng), người ta có thể hình dung được khó khăn mà những người theo chủ nghĩa siêu nhân bản và hậu nhân bản gặp phải trong việc dự đoán điều gì sẽ xảy ra với thế giới xã hội và chính trị mà chúng ta đang sống. Sự chuyển đổi không còn gắn liền với sự công nhận lẫn nhau trong tinh thần huynh đệ và liên đới, và những hậu quả tiêu cực của điều này chủ yếu được phản ánh trong khái niệm gia đình. Việc sinh sản không còn được nói đến như là sự truyền đạt sự sống, cũng không còn ai quan tâm đến những đứa trẻ mới sinh. Nó chỉ được đề cập trong khuôn khổ luận lý học lập kế hoạch cho cuộc sống của những "chú cún con" khác, được hoàn thiện về mặt di truyền. Nhưng những vấn đề như khả năng sinh sản của tình yêu vợ chồng hay sự hỗ trợ về mặt cảm xúc của gia đình đang dần biến mất khỏi tầm nhìn.

60. Cuối cùng, người ta không được quên *quan điểm tiêu cực nói chung về trải nghiệm tôn giáo*. Nó thường được trình bày như một lập trường cam chịu và định mệnh, thánh hóa tình trạng hiện tại của con người bằng những giáo điều và giới luật kìm hãm nghiên cứu và tiến bộ. "Những tầm nhìn thánh thiêng" nhấn mạnh giá trị của cơ thể hoặc thiên nhiên như là biểu hiện của sự sáng tạo của Thiên Chúa sẽ cản trở nghiên cứu tự do. Ý tưởng rằng sự sống sinh học là một quà phúc, cần được trân trọng, sẽ ngụ ý việc cấm một số thí nghiệm và đột biến cải tiến, ngăn chặn sự tiến bộ. Không còn rõ ràng ý nghĩa của bản sắc cá nhân là gì khi con người bị thu hẹp thành một tập hợp các cảm giác hoặc các dự án được tối ưu hóa, thành một loại trải nghiệm chủ quan được nâng cao và khả năng nhận thức được tăng cường, trong khi thể xác bị thu hẹp thành vật chất sinh học không hoàn hảo hoặc trong bất kỳ trường hợp nào cũng cần được nâng cao.

61. Nhân học Kitô giáo có thể nhận thấy trong những xu hướng triết học và văn hóa đương thời này nhiều đặc điểm của tâm lý mà Đức Phanxicô đã mô tả là một hình thức "tân Ngộ đạo". Đây là những cách suy nghĩ và thái độ được hiểu theo nghĩa tương tự như các hình thức Ngộ đạo cổ thời. Cách tiếp cận như vậy, khi xem xét con người và sự cứu rỗi của họ, tìm cách giải phóng họ khỏi mọi sự phụ thuộc và hạn chế, tách họ khỏi thân thể, vũ trụ, cộng đồng và lịch sử. [64] Nó "trình bày một ơn cứu rỗi nội tại sớm muộn gì cũng bị giam hãm trong chủ nghĩa chủ quan. [...] Do đó, nó tuyên bố giải phóng con người khỏi thân thể và vũ trụ vật

chất, trong đó người ta không còn khám phá ra dấu vết của bàn tay quan phòng của Đấng Tạo Hóa, mà chỉ thấy một thực tại vô nghĩa, xa lạ với bản sắc cuối cùng của con người và có thể bị thao túng theo lợi ích của con người”. [65]

62. Não trạng có thể nhận thấy trong các phong trào *siêu nhân bản* và *hậu nhân bản* thực sự làm mất đi tính toàn vẹn của con người, và đặc biệt là bản sắc và ơn gọi của con người theo kế hoạch của Thiên Chúa, đề cao một số khía cạnh mà bỏ qua những khía cạnh khác. Câu hỏi nhân học cơ bản do đó nảy sinh là rõ ràng: đây có phải là một đề xuất biến đổi hay làm biến dạng con người, về bản chất của nó? Liệu chúng ta sẽ đạt được một con người đặc biệt hay những hình thức đặc biệt so với con người đích thực? Theo quan điểm Kitô giáo, con người được xác định bởi một hình thức cụ thể đảm bảo tính thống nhất và toàn vẹn của nó, cả về bản sắc, hành động mà qua đó nó trở thành chính nó, và liên quan đến mục tiêu cuối cùng trong đó nó tìm thấy sự viên mãn. Ở bình diện cá nhân, chính linh hồn bất tử tạo nên mô thức, nghĩa là, nó hợp nhất và tổ chức vật chất thành một thân thể sống, ban cho con người một sự siêu việt mà chủ nghĩa *hậu nhân bản* và *siêu nhân bản* không thể đạt được hay vượt qua. Tuy nhiên, điều hợp nhất và hướng dẫn sự phát triển bản thân không chỉ xuất phát từ thiên nhiên và vũ trụ, mà còn được hiện thực hóa bắt đầu từ các mối tương quan, trong đó bản sắc bản thân được dự đoán bởi kỳ vọng của người khác, và một cách độc đáo và nền tảng bởi sự đối thoại tự do với Thiên Chúa. Vì lý do này, Thánh Phaolô có thể khuyên: "Đừng rập khuôn theo thế gian này, nhưng hãy biến đổi nhờ sự đổi mới tâm trí mình" (Rô-ma 12:2), "cho đến khi Đấng Ki-tô được hình thành trong anh em" (Ga-lát 4:19; xem thêm Phi-líp 3:10-11 và Phi-líp 2:6-11). Hình thái của nhân loại tìm thấy trong Chúa Kitô, Đấng đã chết và sống lại, mức độ và sự viên mãn của nó và mở ra một chủ nghĩa nhân bản toàn diện, trong đó mỗi người được phép tự hiện thực hóa bản thân vượt lên chính mình, nhờ ơn huệ vô biên của Chúa Thánh Thần. Bắt đầu từ sự hiện hữu trần thế của chúng ta, sự tham gia vào "sự sống đời đời" trong Chúa Kitô được hoàn thành - như đức tin của Giáo hội tuyên xưng – “trong sự phục sinh của xác thịt và trong sự sống của thế giới tương lai.”

Việc Đức Mẹ Lên Trời, cả hồn lẫn xác, là dấu hiệu cho thấy tất cả chúng ta đều được mời gọi tham gia với tư cách là những con người trọn vẹn vào vinh quang của Chúa Kitô bên hữu Thiên Chúa Cha.

CHƯƠNG II: CUỘC SỐNG NHƯ MỘT ƠN GỌI: CON NGƯỜI NHƯ MỘT NHÂN TÁC TRONG LỊCH SỬ

63. Viễn cảnh về một sự chuyển đổi nhân học duy siêu nhân bản, cũng như những giấc mơ duy hậu nhân bản, có vẻ như là một sự phóng đại xa rời thân phận thực sự của nhân loại, một khả thể xa vời. Thật vậy, đại dịch Covid-19 đã làm giảm đáng kể niềm tin vào sự tiến bộ kỹ thuật vô giới hạn, và rõ ràng là nhân loại cần, trên hết, một sự liên đới quan tâm đến tất cả và cho phép mỗi dân tộc sống trong hòa bình. Tuy nhiên, những yêu cầu về tiến bộ của chủ nghĩa siêu nhân bản, đặc biệt khi chúng thúc đẩy các xu hướng hướng tới chủ nghĩa hậu nhân bản, lại tác động mạnh mẽ đến trí tưởng tượng của quần chúng. Chúng có nguy cơ hành động như một dạng đánh lạc hướng quần chúng khỏi những vấn đề cấp bách nhất của nhân loại, chuyển hướng nguồn lực và năng lượng khỏi những cuộc đấu tranh hàng ngày vì lợi ích có

thể có của rất nhiều người đang đau khổ, một mặt, và mặt khác, nuôi dưỡng những sự bóp méo trong nhận thức về điều kiện thực sự của trải nghiệm.

64. Do đó, cần phải nhắc lại một số khía cạnh cơ bản của trải nghiệm con người, vốn bị tổn hại hoặc bị lu mờ bởi một ý tưởng nhất định về tiến bộ kỹ thuật. Trước tiên, chúng ta sẽ tập trung vào hai chiều kích cấu thành: chiều kích lịch sử của kinh nghiệm con người, đòi hỏi phải biết cách sống trong *thời gian* và *không gian*; và chiều kích *liên chủ thể*, làm nổi bật ý thức thuộc về một gia đình, một cộng đồng, một dân tộc và toàn thể nhân loại, nơi chúng ta "đều là anh em". Chúng ta sẽ kết thúc chương này bằng cách đưa những chiều kích kinh nghiệm con người này vào đề xuất tổng thể về cuộc sống như một ơn gọi toàn diện, phù hợp với những chỉ dẫn gần đây của Giáo huấn Công đồng và Giáo hoàng.

1. Chiều kích lịch sử của kinh nghiệm con người: thời gian và không gian

65. Trước hết, chúng ta đặt mình trong bối cảnh chiều kích lịch sử-thời gian cấu thành của kinh nghiệm con người. Nhận thức lịch sử là một yếu tố cơ bản trong việc xây dựng bản sắc của cá nhân lẫn dân tộc, được nắm bắt trong sự khác biệt nhưng cũng trong sự kết nối của họ. Con người là những chủ thể lịch sử và văn hóa, có khả năng biến đổi tự nhiên, trau dồi nhân tính và mang lại ý nghĩa cho lịch sử. Khái niệm lịch sử như một quá trình thời gian hướng tới một tương lai được hứa hẹn và hy vọng là một di sản quý giá của Do Thái giáo và Kitô giáo. Dưới ánh sáng của mạc khải, thần học Kitô giáo đã suy gẫm về ý nghĩa nhân học và cứu rỗi của thời gian cá nhân và lịch sử nhân loại. Nhận thức lịch sử là một yếu tố cấu thành của đức tin Kitô giáo, gặp gỡ Thiên Chúa Đáng cứu rỗi trong hành trình lịch sử của một dân tộc. Vì lý do này, mạc khải cũng chứng tỏ giá trị mẫu nhiệm và không tẩy xóa được của hiện tại, được hiểu như một khoảnh khắc đặc quyền và không thể lặp lại của sự dự đoán về cõi vĩnh hằng trong thời gian. Đồng thời, nó trở thành một sự phê phán đối với nhiều chủ nghĩa giản lược liên quan đến thời gian, hiện tại và ký ức, cũng như cánh chung học.

66. Các dân tộc là chủ thể của các nền văn hóa và lịch sử riêng biệt, ít nhiều xoay quanh lịch sử thế giới. [66] Do đó, gia đình nhân loại, chủ thể của lịch sử phổ quát, tự trình bày như một thể thống nhất đa dạng mở rộng trong không gian và thời gian. Lịch sử có ý nghĩa riêng của nó bởi vì các sự kiện là những dấu hiệu hiện thân ý nghĩa và giá trị mà qua đó con người tự hoàn thiện và trình bày bản thân. Cấu trúc mang tính biểu tượng hoặc "bí tích" này của các sự kiện lịch sử mời gọi chúng ta tìm kiếm ý nghĩa của chúng không chỉ bằng cách xem xét nguồn gốc hoặc nguyên nhân gần gũi của chúng, mà còn cả mục đích cuối cùng của chúng. Do đó, lịch sử diễn ra trong các quá trình biến đổi các điều kiện trải nghiệm và trở thành các sự kiện công cộng với những tác động tổng quát hơn. Bản thân các quá trình lịch sử ngày nay đang trải qua sự tăng tốc và phổ quát hóa rõ rệt: [67] cộng đồng nhân loại đang hướng tới một vận mệnh chung, trong đó sự phụ thuộc lẫn nhau ngày càng lớn giữa lịch sử quốc gia và lịch sử thế giới đang được tạo ra. Sự đan xen này đòi hỏi một sự khớp nối rõ ràng giá trị của các nền văn hóa địa phương, với các quá trình và thời đại của chúng, và ý thức về tình huynh đệ phổ quát. [68]

1.1. Sống thời đại với một ý thức lành mạnh về lịch sử

67. Đối với con người, lịch sử là một chiều kích không thể thiếu trong hữu thể và hành động của họ. Họ đón nhận thời gian thông qua nội tâm tính đầy thông minh và tâm linh, cấu thành các chiều kích của dòng chảy thời gian trong sự thư giãn của tâm hồn và do đó trải nghiệm thực tại. [69] Ký ức, được hiểu là sự phục hồi quá khứ trong hiện tại, cũng như chân trời hy vọng luôn rộng mở cho tương lai, cung cấp bối cảnh để khám phá ý nghĩa của cuộc sống và thúc đẩy sáng kiến của con người nhằm mở rộng các chân trời hành động.

68. Hậu quả đầu tiên của sự phát triển kỹ thuật gần đây liên quan chính xác đến trải nghiệm về thời gian. [70] Ngày nay, chúng ta đang chứng kiến sự mất mát cảm thức về lịch sử và sự thu hẹp trải nghiệm vào khoảnh khắc thoáng qua, với sự tập trung mơ hồ vào ngày hôm nay. Văn hóa kỹ thuật số có xu hướng làm tan biến "văn hóa hồi ức" của lịch sử và biến đổi nền văn hóa sống động của ký ức và hy vọng thành một nền văn hóa hậu hiện đại khép kín trong hiện tại.

Việc tổ chức thông tin trực tuyến tập trung vào việc thu thập và sắp xếp một lượng dữ liệu khổng lồ dựa trên các phép tính xác suất, thay vì theo đuổi các giả thuyết để hiểu hoặc giải thích. Ngay cả câu hỏi về cơ sở của kinh nghiệm, nguyên nhân giải thích của nó, hoặc ý nghĩa tiềm ẩn của nó, giờ đây cũng được coi là lỗi thời bởi việc phân tích các mối liên hệ giữa dữ liệu. Thay vì những ký ức sống động và những truyền thống được hình thành từ chúng, giờ đây chúng ta có việc xử lý dữ liệu có sẵn thông qua vi tính hóa, dữ liệu mà sau đó có thể được truy xuất bất cứ lúc nào. Nhưng máy tính không ghi nhớ; nó chỉ lưu trữ dữ liệu. Điều này có thể dẫn đến sự tan rã của ý thức về thời gian và sự chuyển dịch của các thời điểm khác nhau vào không gian của một sự đồng thời vô định, dẫn đến điều được mô tả là "sự không gian hóa thế giới". Thông qua kỹ thuật, người ta có thể giả định vượt qua sức mạnh của thời gian (thoảng qua nhưng mở ra cho vĩnh cửu) và làm cho tất cả các thời điểm trở nên đồng thời. Nhưng một hiện tại không còn biết đến quá khứ cũng không còn tương lai. Và việc thiếu một kết thúc, mở ra cõi vĩnh hằng, trở thành một "vô cực tồi tệ".

69. Điều này làm suy yếu niềm tin vào khả năng của mỗi người trong việc diễn giải và định hình thế giới, điều này vượt ra ngoài sự hiểu biết thực tiễn và sự kiểm soát xã hội, để nó nằm trong tay các bộ máy quan liêu khổng lồ quá tải thông tin nhờ các hệ thống kỹ thuật phức tạp, phụ thuộc lẫn nhau và không thể kiểm soát, khiến cá nhân thường cảm thấy bị bao vây và đe dọa. Sự phụ thuộc hoàn toàn vào các hệ thống phức tạp và tinh vi này, mà cá nhân không có ảnh hưởng, tạo ra cảm giác bất lực và dẫn đến sự tự chìm đắm trong những chân trời ý nghĩa và cuộc sống hạn chế và được bảo vệ. [71] Thực tại trở thành một kết nối, thông qua đó người ta bước vào một mạng lưới các mối liên hệ và cuộc gặp gỡ đòi hỏi sự nhanh nhẹn, tốc độ và phản ứng tức thì, hơn là sự suy gẫm và tinh thần phê phán. Trong kịch bản này, các câu chuyện và tự sự phổ quát dựa trên những lựa chọn lâu dài ít thú vị hơn so với những nhận dạng nhẹ nhàng và đa chiều.

70. Không có gì đáng ngạc nhiên khi văn hóa (hậu) hiện đại có xu hướng nuôi dưỡng sự lãng quên về sự tồn tại, về ký ức và về số phận vĩnh cửu. Trong bối cảnh như vậy, con người ngày càng ít là ký ức của chính mình và ngày càng trở thành cuộc thử nghiệm vô hạn của chính mình. [72] Trong số nhiều lý do cho "sự lãng quên văn hóa" này, người ta có thể kể đến lý do có trong câu chuyện Kinh Thánh: con người trong sự thịnh vượng quên mất Thiên Chúa và

lịch sử đã sống với Người (xem Thủ Lãnh 2:10; Đệ Nhị Luật 4:23, 30; Lu-ca 12:31-21), bỏ qua mệnh lệnh thần linh giao cho họ nhiệm vụ chăm sóc người nghèo và những người bị gạt ra ngoài lề xã hội. Thêm vào đó là tác động của tư duy khoa học, coi khoa học như một giải pháp khả hữu cho mọi vấn đề, có khả năng chữa lành vết thương và do đó giải thoát chúng ta khỏi nỗi đau của ký ức. Yếu tố thứ ba là sự cam chịu trước sự yếu đuối hạn chế của chính mình, thiếu đi niềm hy vọng lớn lao, điều này trở thành lời kêu gọi đơn giản là "tiến về phía trước" mà không có bất cứ tiêu chuẩn nào, như thể điều quan trọng duy nhất là tiến lên, tiếp tục ngay cả khi không có đích đến cụ thể: ý thức giải phóng rút ra những ký ức tối thiểu từ quá khứ như một động lực để tiến về phía trước, mà không mong muốn một mục tiêu, dù là nội tại hay siêu việt. Hơn nữa, hình thức quên lãng này tạo điều kiện cho việc tái cấu trúc ý thức hệ về quá khứ hoặc cho các hình thức xét lại và phủ nhận, nhằm hợp pháp hóa các trò chơi quyền lực hoặc biện minh cho các xung đột đau đớn. Trên thực tế, người ta không thể xây dựng một tương lai mà không có ký ức vững chắc về lịch sử mà từ đó chúng ta phát xuất và đã tạo ra chúng ta, cũng như không thể thiếu niềm hy vọng vĩnh cửu.

71. Những tình huống này cũng là kết quả của một nền kinh tế hoàn cầu hóa, vốn ưu tiên một mô hình văn hóa đại chúng duy nhất, trong đó các cường quốc khẳng định vị thế của mình, bảo vệ lợi ích của riêng họ bằng cách gây tổn hại cho các nền văn hóa yếu hơn. Kết quả là sự mất mát ý thức toàn diện về lịch sử. [73] Động lực của sự đồng nhất hóa do đó chiếm ưu thế trong những gì chúng ta có thể định nghĩa là các nền văn hóa giả tạo của "chủ nghĩa tiêu dùng", "lãng phí", "bức tường", "sự cô lập và rút lui" hoặc thậm chí là sự lan rộng của một nền văn hóa "trống rỗng, bận tâm đến những điều trước mắt và thiếu một dự án chung". [74] Những nền văn hóa giả tạo này hoạt động cả trong chủ nghĩa dân túy làm biến dạng thuật ngữ "người dân", giới hạn nó trong luận lý học khép kín, và trong "tầm nhìn cá nhân chủ nghĩa tự do" bác bỏ chính phạm trù "người dân" và sự đánh giá tích cực về cộng đồng và các mối liên kết văn hóa mà nó chứa đựng. [75] Kết quả của những hình thức văn hóa này, trong bối cảnh thế giới kỹ thuật số hoàn cầu hóa đương thời, là sự mất phương hướng hơn nữa. So với những nền văn hóa giả tạo này, Ti Mừng tự trình bày mình như một loại phản văn hóa, không phải theo nghĩa sự linh hứng của Tin Mừng áp đặt nền văn hóa bá quyền duy nhất của riêng nó, mà theo nghĩa nó coi trọng và thúc đẩy tất cả các nền văn hóa, hoặc các khía cạnh của chúng, vốn có tính nhân bản đích thực.

72. Để đối diện với trải nghiệm này về sự gia tốc theo chiều ngang của lịch sử, chúng ta phải khôi phục nguồn gốc và mục đích tối thượng của lịch sử, như được trải nghiệm trong hiện tại, để hiểu được ý nghĩa thực sự của nó. Cuộc gặp gỡ giữa thời gian của con người và sự vĩnh hằng của Thiên Chúa trong Chúa Giêsu Kitô mang đến một cảm nhận về lịch sử tương ứng sâu sắc với những kỳ vọng của kinh nghiệm thời gian của con người, mà không làm giảm đi sự giao thoa của ba chiều kích: kinh nghiệm quá khứ, sáng kiến hiện tại và kỳ vọng tương lai, trong chân trời vĩnh hằng đặc trưng cho chúng.

73. Kinh nghiệm thời gian của Kitô giáo cung cấp tọa độ của một ơn cứu độ xảy ra trong lịch sử, ở chỗ nó đặt sự trọn vẹn của thời gian trong một bối cảnh lịch sử chuyên biệt, trong một hiện tại tràn ngập sự vĩnh hằng, nhờ vào sự nhập thể của Con Thiên Chúa (xem Ga-lát 4:4-6). Bằng cách này, nó mở ra các quá trình lịch sử cho kỳ vọng về một sự viên mãn đã được hứa hẹn, đáp ứng nhu cầu của trái tim con người ở mọi thời đại một cách không thể tưởng tượng

nổi (xem Khải Huyền 21-22). [76] Điều này tương ứng với nhu cầu của lương tâm lịch sử của các dân tộc để có thể đọc các sự kiện trong một khuôn khổ toàn diện và có ý nghĩa hơn, có khả năng hiểu các sự kiện lịch sử trong sự thống nhất của một quá trình phổ quát được ban tặng ý nghĩa, với sự tôn trọng đối với các lịch sử cụ thể, nắm bắt sự thống nhất trong sự khác biệt của muôn hình vạn trạng. Sự hoàn thành cánh chung được hứa hẹn trong Chúa Giêsu Kitô không hề làm giảm giá trị của các sự kiện lịch sử cụ thể, trong hiện tại, mà làm sáng tỏ ý nghĩa của chúng, kích hoạt lại đặc tính đầy hứa hẹn của kinh nghiệm và cùng với đó là sự mong đợi tích cực về một thế giới mới. [77] Điều này có thể xảy ra bởi vì sự kết thúc của lịch sử không trùng với thời hạn của nó, mà đề cập đến một mục tiêu cuối cùng vượt lên trên các sự kiện lịch sử từ bên trong và hướng chúng tới một sự hoàn thành mới, mà mọi thứ đều hội tụ về đó.

74. Lịch sử cứu rỗi không chỉ được trình bày như chứa đựng trong một lịch sử đặc thù riêng biệt, bên cạnh lịch sử phổ quát, vì hành động cứu rỗi cụ thể của Thiên Chúa trong lịch sử được kết hợp với các phong trào văn hóa của các dân tộc trong một sự thống nhất duy trì sự khác biệt: "Sự hiện diện và hoạt động của Thần Khí không chỉ chạm đến các cá nhân, mà còn cả xã hội và lịch sử, các dân tộc, văn hóa, tôn giáo. Trên thực tế, Thần Khí là nguồn gốc của những lý tưởng và sáng kiến cao cả vì lợi ích của nhân loại trên hành trình của nó: 'Với sự quan phòng kỳ diệu, Người hướng dẫn dòng chảy của thời gian và đổi mới bộ mặt của trái đất'". [78] Mỗi quan hệ giữa Thiên Chúa và dân Người, mà còn với nhân loại và toàn thể tạo vật, được hiện thực hóa thông qua các ân phúc của Thần Khí và Ngôi Lời, không chỉ đơn giản là từ trên cao đổ xuống, mà nảy mầm bên trong con người đón nhận chúng và sử dụng chúng một cách có trách nhiệm để chúng sinh hoa kết trái (xem I-sai-a 55:10-11; Mát-thêu 25:14-30). Theo cách này, thần linh mở ra cho nhân loại không gian để tự hoàn thiện, tái thiết lập nhân loại trong một sự hiệp thông mới và đáng ngạc nhiên, không hủy bỏ cũng không hấp tấp nhân loại, mà thay vào đó duy trì nhân loại trong sự hoàn thiện lịch sử của nó. Sự thống nhất các quá trình lịch sử trong Chúa Kitô không làm giảm giá trị của lịch sử và văn hóa địa phương, cũng không chuẩn hóa sự giàu có đa dạng bằng cách làm phẳng chúng theo lợi ích của một số ít, hoặc theo quy luật của thị trường, hoặc theo luận lý học truyền thông của thế giới kỹ thuật số hoàn cầu.

75. Đây là kinh nghiệm, tràn đầy niềm vui, mà Đức Mẹ bày tỏ trong bài ca Magnificat (xem Lc 1:46-55). Lời cầu nguyện này thể hiện nhận thức của Đức Mẹ: trong Mẹ, với tư cách là Mẹ của Chúa Kitô, toàn bộ kế hoạch cứu độ hiện diện, trong đó sự vĩnh hằng được kết hợp theo một cách mới với thời gian. [79] Bài ca Magnificat làm cho kinh nghiệm bản thân của Đức Mẹ vang vọng với kinh nghiệm của toàn thể dân Chúa trong lịch sử cứu độ. [80] Ở đây, chúng ta khám phá ra một loại trải nghiệm thời gian khác, được ân sủng của Chúa ghé thăm, trong đó sự vâng phục của Đức Mẹ Maria đối với lời loan báo của Thiên thần mở ra sự trọn vẹn của ân sủng đã mở rộng hiện tại của Mẹ ("Đấng Toàn Năng đã làm những điều lớn lao cho con") tới một tương lai tích cực ("Từ nay về sau, mọi thế hệ sẽ gọi con là người được chúc phúc"), trong sự ghi nhớ có ý thức về hành động cứu rỗi của Chúa và phong cách của Người ("Lòng thương xót của Chúa dành cho những người kính sợ Chúa từ đời này sang đời khác. Chúa đã tỏ ra sức mạnh bằng cánh tay của Chúa. [...] Chúa đã nâng đỡ những người thấp hèn..."). [81]

1.2. Cư ngụ trong không gian: từ không gian riêng của mình đến "các ngưỡng cửa"

76. Con người cư ngụ trong không gian theo những cách khác nhau: họ vừa là "những sinh vật gia đình" sống trong nhà, vừa là "những sinh vật chính trị" bèn rề và tự tổ chức trong một thành phố và quê hương, và cuối cùng là "những sinh vật quốc tế" sống trên thế giới. Nơi ở của con người bao gồm tam giác này được hình thành bởi ngôi nhà, như là phạm vi của gia đình và thiên nhiên; bởi thành phố và người dân/quốc gia, như không gian của lịch sử và văn hóa; bởi toàn thế giới, như chân trời thuộc về bản chất con người. Địa phương và hoàn cầu là những chiều kích cấu thành kinh nghiệm của con người, ngày nay được chuyển đổi bởi các quá trình hoàn cầu hóa, như có thể thấy chẳng hạn ở các siêu đô thị và trong sự thay đổi về khả năng di chuyển. [82]

77. Một hiện tượng quan trọng là việc tổ chức không gian đô thị trong các siêu đô thị. Chúng ta đang sống trong "*Thời đại đô thị*", một thời điểm mới trong lịch sử loài người. Sự hình thành các thành phố khổng lồ là một hiện tượng của thời đại chúng ta, bắt đầu từ giữa thế kỷ XX. Kể từ những năm đầu thế kỷ XXI, hơn một nửa dân số thế giới sống ở các thành phố, xác định quá trình chuyển đổi từ bối cảnh nông thôn sang đô thị, đặc trưng của văn hóa truyền thông và thông tin ngày nay. Kiểu sống trong đó nhân loại được thỏa mãn đã thay đổi rất nhiều trong những "vùng đô thị" này, như Đức Phao-lô VI đã gọi, nơi kết nối các trung tâm và vùng ngoại vi thành những khối đô thị khổng lồ, với các khu phức hợp ngoại ô lớn thường thiếu các dịch vụ thiết yếu. [83]

78. Những thay đổi về khả năng di chuyển ngày nay cũng có tác động đến trải nghiệm không gian của con người. Khả năng rút ngắn khoảng cách bằng các phương tiện nhanh hơn, tổ chức lại không gian sống (công việc, nhà cửa, bạn bè, trường học), cũng như sự lan tỏa và phân phối hàng hóa, với khả năng luôn có sẵn các sản phẩm từ các vùng đất khác nhau trên thế giới và những vùng đất xa xôi, đã dẫn đến sự "phi lãnh thổ hóa" bản sắc cá nhân và văn hóa. Ngay cả thực phẩm cũng không còn gắn liền với môi trường tự nhiên nơi xuất xứ và các mùa vụ của nó. Do đó, phong tục, lối sống và giá trị luôn trong tình trạng căng thẳng giữa sự thuộc về lãnh thổ có giới hạn và một nền văn minh hoàn cầu không biên giới. Chúng ta ngày càng trở thành công dân hoàn cầu. Một nền văn hóa hoàn cầu nhất định, được tạo thành từ các giá trị, hàng hóa và sản phẩm không phân biệt và phổ quát, thuộc về tất cả mọi người và không thuộc về ai cả, ngày càng quyết định cách chúng ta ăn mặc, ăn uống, vui chơi, kỷ niệm ngày lễ và thư giãn, theo những gì ngành kỹ nghệ giải trí cung cấp. Những nơi mọi người gặp gỡ và đi lại, nơi họ kết nối, ngày càng trở nên những "phi địa điểm" vô danh và đồng dạng, (nhà ga, sân bay, trung tâm mua sắm lớn), biểu thức của một thế giới nhân tạo hơn là môi trường văn hóa và con người được định nghĩa bởi một lịch sử và bản sắc chính xác.

79. Trong loại không gian này, con người có nguy cơ di chuyển như những người du mục lang thang tìm kiếm những trải nghiệm mới. Do đó, hình ảnh người hành hương bị mất đi, người bắt đầu một cuộc hành trình, bỏ lại nhà cửa và tài sản của mình, để tìm kiếm quê hương thực sự của mình, vùng đất hứa mà Chúa gọi họ đến. Hơn nữa, người hành hương không đánh mất mối quan hệ của mình với quê hương: "Giải pháp không nằm ở sự cởi mở từ bỏ kho báu của chính mình. Cũng như không có đối thoại với người khác nếu không có bản

sắc cá nhân, thì cũng không có sự cởi mở giữa các dân tộc nếu không có tình yêu đối với quê hương, đối với đặc điểm văn hóa của chính mình." [84]

80. Việc tổ chức không gian hoàn cầu tự nó không làm cho chúng ta trở nên hiếu khách và cởi mở hơn với người khác. Thật vậy, nó thường dẫn đến những phản ứng mạnh mẽ dựa trên bản sắc, có xu hướng giới hạn "không gian của riêng mình" bằng cách tạo ra những ranh giới không thể vượt qua, thiết lập sự phân tách rõ ràng giữa "chúng tôi và các anh", thế giới của riêng mình và thế giới của người khác. Thật đáng suy gẫm khi nhận thấy rằng tác động đầu tiên của các lý thuyết "đa văn hóa" liên quan chính xác đến nhận thức về không gian và sự thống nhất của thế giới mà chúng ta đang sinh sống. Những ẩn dụ thay thế gắn liền tích cực với khám phá này là điều dễ hiểu: "mở rộng không gian", "tạo chỗ cho người khác", "mở rộng ranh giới"; hoặc ngược lại, "bảo vệ ranh giới của chính mình", "dựng rào cản", "phân định không gian của chính mình". Hình ảnh thống trị phần lớn văn hóa đương thời là hình ảnh về một cái tôi hoặc một dân tộc ở trung tâm của "phạm vi riêng", trong đó người khác hoặc người lạ xuất hiện như một yếu tố quyết định thứ yếu, ở ngoại vi hoặc biên giới.

81. Trong việc khám phá người khác, người khác biệt và thậm chí là người lạ, ngày nay dễ dàng hơn để khơi dậy nhận thức rằng "không ai là chủ trong chính ngôi nhà của mình", bởi vì sự khác biệt đã ở bên chúng ta ngay từ đầu, nó ở bên chúng ta "tại nhà". Điều này có nghĩa là người khác không phải là sản phẩm phái sinh của chính chúng ta, mà là đồng nguồn gốc. Thật không may, "những gì thuộc về chúng ta" thường bị giới hạn thông qua các quá trình loại trừ đối với người khác, tức là bằng cách tạo ra các ranh giới. Điều này áp dụng cho nhận thức về bản thân cũng như về các nền văn hóa. Do đó, chúng ta không được quên rằng ở tận nguồn gốc chỉ có một hữu thể nhân bản chung, vốn là một sự đan xen, một mạng lưới trong đó cái của mình và cái xa lạ, cái tôi và cái khác cùng liên hệ với nhau. [85] Khó khăn trong việc chấp nhận sự đan xen ban đầu này trong luận lý học gấp gờ và hiếu khách phải khiến chúng ta suy gẫm về hoạt động của hoàn cầu hóa, dường như mở ra những không gian gấp gờ chung, nhưng trên thực tế lại cho phép cảm giác "xâm lược" phát triển, bộc lộ nhận thức về người khác như một mối đe dọa.

82. Đức tin Kitô giáo làm thay đổi trực trải nghiệm không gian: "Người Kitô hữu không khác biệt với những người khác bởi lãnh thổ, cũng không phải bởi cách nói chuyện, hay phong cách ăn mặc của họ. Vì họ không sống ở những thành phố cụ thể, cũng không sử dụng một ngôn ngữ lạ, cũng không áp dụng một lối sống đặc biệt. [...] Họ cư trú ở cả Hy Lạp và các thành phố của người man rợ, tình cờ thay, và trong khi họ tuân theo phong tục địa phương về trang phục, thức ăn và các khía cạnh khác của cuộc sống, họ lại tự tạo cho mình một lối sống tuyệt vời và, như mọi người đều thừa nhận, khó tin. Mỗi người trong số họ sống ở đất nước của mình, nhưng như thể họ là người nước ngoài; họ tôn trọng và thực hiện tất cả các nghĩa vụ của công dân, và gánh vác mọi gánh nặng như thể họ là người nước ngoài; mọi vùng đất nước ngoài đều là quê hương của họ, nhưng mọi quê hương lại là một vùng đất xa lạ đối với họ." [86] Các Kitô hữu không đòi hỏi một không gian "của riêng họ", ngoại trừ trong chức năng phục vụ sứ mệnh và thờ phượng, và trong bất cứ trường hợp nào, không gian của họ đã được cư ngụ bởi một sự khác biệt triệt để - đó là Thiên Chúa - điều này cũng có thể mang hình hài của người lạ đặt câu hỏi, đặt câu hỏi về những gì được coi là hiển nhiên và hòa bình.

83. Việc suy nghĩ lại về "không gian của riêng mình" ngụ ý việc định nghĩa lại ranh giới như là "ngưỡng cửa", tức là các khu vực đưa mọi người đến gần nhau, không gian chuyển tiếp. Bất cứ ai vượt qua ngưỡng cửa của một trải nghiệm con người khác không chỉ đơn giản là đến một nơi khác, mà còn được kêu gọi "trở thành một người khác". Không ai có thể thống trị sự khác biệt này và làm trung gian giữa các nền văn hóa từ một vị trí trung lập. Do đó, thách thức nằm ở việc mở rộng ranh giới để tự phơi bày mình trước lời kêu gọi của người khác. Theo nghĩa này, dụ ngôn về Người Samari nhân hậu (xem Lc 10:1-15) đưa ra một mô hình vô song về văn hóa "trở thành người láng giềng" và gặp gỡ. [87]

84. Sự hiện diện của Chúa Giêsu Kitô, Đấng quy tụ khởi đầu, trung tâm và kết thúc của lịch sử (xem Khải Huyền 22:13), mở ra không gian sống của các dân tộc và cá nhân, giữ cho nó luôn rộng mở như một nơi hiếu khách của sự khác biệt, không có tường bao hay sự khép kín, thực sự tái sinh thời gian, sống trong hiện tại đầy ý nghĩa cứu rỗi (*kairòs*), đồng thời vẫn luôn vận động, mở ra một sự viên mãn siêu việt trong tương lai, sẽ hiện thực hóa lời hứa được ghi khắc trong nguồn gốc.

2. Môi quan hệ và cảm thức thuộc về: tính liên chủ thể

85. Tính liên chủ thể được đặt trong bối cảnh không gian-thời gian này, tức là thuộc về một gia đình, một dân tộc và một truyền thống. Những tư cách thành viên này, trong đó bản sắc cá nhân bắt đầu và được hình thành qua lịch sử, tạo thành một loại rào cản đối với sự lan rộng của hoàn cầu hóa đồng nhất, điều không phải lúc nào cũng giúp tạo nên những mối liên kết đích thực: "Một xã hội ngày càng hoàn cầu hóa đưa chúng ta đến gần nhau hơn, nhưng không làm cho chúng ta trở thành anh em." [88] Nói về tính liên chủ thể có nghĩa là nhấn mạnh cách cuộc sống con người ngay lập tức hàm ý một chân trời cộng đồng: cuộc sống của cá nhân phải được đặt trong khuôn khổ các mối quan hệ tạo nên cộng đồng. Những mối quan hệ này, cấu thành nên bản sắc cá nhân, được hình thành trong gia đình, trong một cộng đồng, với những truyền thống của nó, và trong tư cách thành viên rộng lớn hơn của toàn thể nhân loại.

86. *Gia đình* là nơi khởi nguồn của tính liên chủ thể chính bởi vì đó là nơi trao tặng và chấp nhận phép lạ sự sống, được hiện thực hóa trong mỗi sự ra đời mới. Tính liên chủ thể phát sinh chính xác ở nơi sự sống được trao tặng, chứ không phải được tạo ra, càng không phải tự tạo ra. Ở nguồn gốc mỗi sự sống là một quà phúc bất ngờ, trong trải nghiệm về sự thụ động nguyên thủy, thông qua đó chúng ta tìm thấy chính mình trong hiện hữu, được đi trước và chào đón bởi mong muốn của người khác. Nền văn hóa thống trị ngày nay không đủ chú ý đến sự kiện "chúng ta được sinh ra", và chủ nghĩa siêu nhân bản, và thậm chí hơn nữa là chủ nghĩa hậu nhân bản, quên rằng con người trước hết và trên hết là một đứa trẻ và do đó là một người con, người tự khám phá ra mình được sinh ra và được trao cho chính mình trong cuộc phiêu lưu kỳ diệu của hiện hữu và trưởng thành.

87. Gia đình với tư cách là cộng đồng nguyên thủy tìm thấy nơi *đưa con*, và trong chính việc đưa con tiếp nhận và đạt được sự tự ý thức về mình trong hồng phúc tươi cười của cha mẹ, một việc hiện thực hóa đặc biệt quan trọng sự hiện hữu nhân bản mà không một chủ nghĩa siêu nhân bản hay hậu nhân bản nào có thể quên được. Cuộc sống như sự viên mãn của hiện hữu và lời hứa tìm thấy điểm hiện thực hóa của nó trong *đưa con như một người con trai*. [89] Thật vậy, sự khớp nối của con người trong tình yêu giữa nam và nữ, và trên hết là sự hợp

nhất của nam và nữ trong sự sinh sôi nảy nở đứa con, cho thấy sự minh bạch của hiện hữu như một quà phúc từ Thiên Chúa. Trong đứa con-con trai, một phản chiếu của nguồn gốc được tiết lộ, với hành trang của sự kỳ diệu và trọn vẹn, niềm tin và hạnh phúc, quà phúc và lòng biết ơn. Chính mối liên hệ của những ràng buộc và cảm xúc này tạo nên cấu trúc của sự khởi đầu, tấm gương của nguồn gốc trong đó chân lý hiểu thảo được bảo tồn. Con người như một người con trai là mối tương quan nhân học của hiện hữu như một món quà và tình yêu, bằng chứng tuyệt vời của nó. Chính sự viên mãn của hiện hữu trong sự đơn giản của ánh nhìn của một đứa con là bí mật của khả năng trực giác, nhưng cũng thuận lý của nó để thống nhất thực tại trong các chiều kích của sự nhất thiết và tự do, của tinh thần và tự nhiên, trong vòng tay yêu thương.

88. Đứa con là dấu hiệu của nhân loại hiểu thảo, được hiểu như nơi cư ngụ viên mãn: chính vì nó không được sinh ra một cách ngẫu nhiên nhưng được chào đón. Được bao bọc bởi tình yêu thương của cha mẹ, đứa con không cần phải được chinh phục bằng nỗ lực phát triển liên tục, mà được đón nhận với thái độ biết ơn. Đứa trẻ không phải là một khoảng trống cần được lấp đầy, mà là một sự trọn vẹn được ban tặng và hứa hẹn, cần được đồng hành trong cuộc phiêu lưu kiến tạo sự hiện hữu thông qua những trải nghiệm cuộc sống. Bản sắc hiểu thảo được nhận ra thông qua sự chăm sóc của gia đình: trong không gian sống này, sự thụ động ban đầu là điều kiện cho sự tự do hành động, và sự phụ thuộc vào tình yêu thương là điều kiện cho sự tự chủ. Vì lý do này, lý trí phát triển trong đứa con trên nền tảng của một sự thống nhất nguyên thủy của thực tại, như một sự kết hợp của bản thể, sự tốt lành và cái đẹp. Tư duy có một gốc rễ tình cảm trong nguồn gốc của nó. Điều kiện này cần được khám phá lại, chứ không phải vượt qua, trong một sự trao đổi mà đứa trẻ nhận được tình yêu thương của cha mẹ, và họ cùng với đứa trẻ khám phá lại bản chất con cái của mình.

89. Do đó, mong muốn trao quyền cho nhân loại phải tập trung ít hơn vào việc lập kế hoạch cho một nhân loại siêu việt vượt ra ngoài việc là (hoặc đã từng là) trẻ em, và thay vào đó tìm cách đảm bảo rằng mọi gia đình đều có các điều kiện kinh tế và xã hội để chào đón và đồng hành cùng phép lạ khởi đầu này, trong một bối cảnh cuộc sống thuận lợi cho sự ra đời và phát triển của con cái.

90. Thứ hai, cần phải làm rõ giá trị nhân bản của việc thuộc về một dân tộc, với truyền thống của nó, và cả giá trị thần học của việc thuộc về Dân Chúa trong lịch sử. Phạm trù "dân tộc", trong ý nghĩa kép thể tục và tôn giáo này, có trọng lượng đáng kể như một chủ thể của sự phát triển toàn diện của con người. "Dân tộc" là một phạm trù lịch sử, xác định một chủ thể cộng đồng trong một lãnh thổ nhất định, được hình thành theo thời gian thông qua các quá trình hội nhập và liên quan đến một nền văn hóa. [90] Việc thuộc về một dân tộc là một thực tế phức tạp của con người, được tạo thành từ sự chia sẻ về mặt hiện sinh và tình cảm. [91] Nó được hiện thực hóa trong việc chia sẻ một nền văn hóa, tức là một tập hợp các giá trị, tập quán, phong tục và thói quen, cho phép mọi người nhận ra nhau, sống bình thường trong một môi trường địa lý chung, với một ngôn ngữ và lịch sử cụ thể. Là một phần của một dân tộc có nghĩa là cùng nhau sinh sống trong không gian như một phạm vi của các mối quan hệ. Mỗi người tự hoàn thiện mình trong một tập hợp các mối quan hệ trong một điều kiện cụ thể, điều này định hình tư duy và cách nhận thức về bản thân. Không có bản sắc nào tồn tại nếu không có sự thuộc về một dân tộc - ngay cả khi được trải nghiệm một cách phê phán -.

91. Do đó, chúng ta cũng khám phá lại giá trị của đất đai được hiểu là một địa điểm mang tính biểu tượng của văn hóa và bản sắc của một dân tộc. Trải nghiệm này đối lập với tầm nhìn hoàn cầu hóa, vốn loại bỏ những khác biệt và bản sắc gắn liền với một bối cảnh cụ thể. Mỗi liên hệ với địa điểm thể hiện như một cơ hội cho sự gặp gỡ giữa mọi người, trong đó tình bạn xã hội được xây dựng, bắt đầu không phải từ những ý tưởng trừu tượng, mà từ các lĩnh vực của cuộc sống và các giá trị được chia sẻ trên lãnh thổ (nhà cửa, công việc, lễ hội). Chính cuộc sống của một dân tộc với bản sắc riêng được khám phá khi tiếp xúc với các dân tộc khác, được kêu gọi trao đổi, trong một chế độ sáng tạo, với các nền văn hóa khác nhau và trong một quá trình năng động, thường xung đột, được đảm nhận và chuyển hóa thành sự trao đổi quà tặng lẫn nhau. Không có sự cởi mở nào giữa các dân tộc ngoại trừ tình yêu đối với đất nước, dân tộc và văn hóa của chính mình. [92]

92. Khi thuộc về một dân tộc, chúng ta phải tránh nguy cơ kép là chỉ tìm kiếm các yếu tố thống nhất trong dân tộc, ngôn ngữ hoặc việc bảo vệ lãnh thổ, được hiểu là một không gian khép kín và độc quyền, hoặc làm tan biến bản sắc của dân tộc trong một nền văn hóa quốc tế vô danh và hoàn cầu hóa, chịu sự chi phối của các quy luật thị trường và tài chính, mà không quan tâm đến việc bảo vệ lợi ích chung của xã hội. Mỗi liên kết cơ bản được thể hiện bởi văn hóa, tức là một lối sống nhất định, bao gồm sự tham chiếu đến các giá trị chung và do đó hướng tới sự thống nhất trong đa dạng, cho phép chúng ta vượt qua các xung đột và tiến tới các mối liên kết huynh đệ mở rộng cho tất cả mọi người.

93. Trong cuộc tìm kiếm năng động về sự thống nhất của mọi dân tộc trong đối thoại với các dân tộc khác, chúng ta tìm thấy hành trình lịch sử của dân Chúa, tức là Giáo hội, dân Chúa trong đó Thân Thể Chúa Kitô được phát biểu về mặt lịch sử. [93] Như vậy, dân Chúa không được xây dựng trên các động lực lãnh thổ, xã hội học hay định chế, mà trên đức tin được hiểu như kênh truyền tải ý nghĩa tôn giáo, hiện sinh và văn hóa. Do đó, Giáo hội thúc đẩy văn hóa gặp gỡ, vì Giáo hội không thể tách rời khỏi hành trình của nhân loại. Giáo hội đồng hành cùng lịch sử các dân tộc bằng cách duy trì sự căng thẳng hướng tới sự hiệp thông phổ quát trong Chúa Kitô, Đấng trung gian của một đời sống mới, mạnh hơn sự ác và cái chết, nhưng cũng mạnh hơn cả xung đột và chia rẽ. Sự căng thẳng hướng tới sự hiệp thông này không làm mất đi sự khác biệt, mà giữ cho chúng luôn mở ra cho một dự án thống nhất lớn hơn. Đây là điều đã xảy ra trong sự kiện Chúa Thánh Thần Hiện Xuống (xem Công vụ 2:1-13), trong đó sự giáng lâm của Thánh Linh đã biến các Tông đồ thành một thể thống nhất đa dạng, có khả năng nói mọi thứ tiếng, một "Dân của các dân tộc". (xem Công vụ 15:14-18). Thánh Thần của Thiên Chúa tác động vào các nền văn hóa và lịch sử khác nhau của các dân tộc với một công việc phổ quát hóa nhưng không đồng nhất hóa: "[Ngài] đã dùng huyết mình chuộc cho Thiên Chúa những người từ mọi chi tộc, mọi ngôn ngữ, mọi dân tộc và mọi quốc gia" (Khải Huyền 5:9; xem thêm 7:9; 11:9; 13:7; 14:6).

94. Việc đưa Dân Chúa vào hành trình lịch sử của các dân tộc khác nhau làm nổi bật rõ ràng thách thức của việc dung hòa lịch sử riêng của các dân tộc và sự phát triển hoàn cầu của nhân loại. Có một ý thức đang nổi lên rằng, một mặt, lợi ích chung của các dân tộc riêng lẻ không thể chỉ được bảo vệ thông qua các chiến lược chính trị địa phương, có lẽ được chi phối bởi luận lý học cô lập và khép kín. Thay vào đó, điều cần thiết là sự hội tụ và hài hòa các dự án địa phương với động lực hoàn cầu, vượt qua biên giới của từng quốc gia. Nhưng sự dung

hòa như vậy cũng đòi hỏi sự trung gian của các định chế quốc tế đủ thẩm quyền và công bằng, và do đó có khả năng dung hòa lợi ích của các dân tộc riêng lẻ vì lợi ích chung của toàn nhân loại, để bảo vệ hữu hiệu những gì ngày nay được gọi là "tài sản chung" (đất, nước và không khí). Chính trong cuộc khủng hoảng liên quan đến đại dịch Covid-19, chúng ta đã trải nghiệm ý nghĩa của việc "tất cả cùng chung một con thuyền", tham gia vào một cuộc đấu tranh chung vì lợi ích của tất cả.

95. Cần có một công việc phân định phê phán thường xuyên trong các lựa chọn lịch sử-chính trị liên quan đến gia đình nhân loại, từ quan điểm về trách nhiệm đối với tất cả do các cơ quan khác nhau của các tổ chức quốc tế cũng như Giáo hội với học thuyết xã hội của mình đảm nhận, để làm rõ vấn đề về các chủ thể được ủy quyền quyết định lợi ích chung và vận mệnh của tất cả. [94] Đặc biệt, hệ thống kinh tế và tiền tệ hoàn cầu đòi hỏi, một mặt, trách nhiệm từ phía các tổ chức tài chính, phải chú ý đến nền kinh tế thực hơn là luận lý lợi nhuận, và mặt khác không được đánh mất cách tiếp cận đạo đức, nhạy cảm với phẩm giá của con người, với lợi ích chung trong một chế độ liên đới và với phúc lợi của xã hội, đặc biệt là những xã hội dễ bị tổn thương nhất. [95]

96. Điều thiết yếu là phải trân trọng sự hiệp nhất của "gia đình nhân loại", hành trình xuyên suốt lịch sử, trong hiện tại và sự quy chiếu cánh chung đến toàn thể Chúa Kitô, nơi mà mục đích và phương hướng của cuộc hành trình được mạc khải trọn vẹn trước hết: sự hiệp thông của tình yêu Ba Ngôi, sự hoàn thành của sự cứu chuộc gia đình nhân loại. Cuộc hành trình này diễn ra theo nhịp điệu Phục Sinh, trong đó, dưới chân Thánh Giá, những gì trong trái tim con người được mạc khải, khi nó được giải thoát khỏi mọi thứ cản trở sự hiệp thông với Thiên Chúa, với tạo vật và với anh chị em của chúng ta. Chính nhờ sự quy chiếu đến Chúa Kitô chịu đóng đinh và phục sinh, chúng ta có thể hiểu được ân sủng của thời gian được ban cho chúng ta, cách thức thích hợp nhất để sống trong không gian và trải nghiệm chất lượng của các mối quan hệ mà trong đó chúng ta trở thành chính mình, và sự thuộc về mà trong đó chúng ta tìm thấy ý nghĩa đích thực của cuộc sống.

97. Trái ngược với mọi quan điểm duy chiến thắng mang tính duy siêu nhân bản hoặc quan điểm bi quan cực đoan mang tính duy hậu nhân bản, việc quy chiếu đến mẫu nhiệm Thánh Giá hướng sự chú ý của chúng ta đến lịch sử từ góc nhìn của các nạn nhân của nó. Nỗi bi thương thực sự của lịch sử không chỉ bao gồm trong những cuộc chinh phục vĩ đại của nhân loại, nhưng cũng trong những đau khổ thầm lặng của rất nhiều người qua nhiều thế hệ và trên khắp thế giới. Lịch sử được tạo nên từ hành động và đam mê, và sự chú ý đến chiều kích của đau khổ này mang lại hình thức cụ thể cho tầm nhìn lịch sử của Kitô giáo, vốn không thể bị thu hẹp thành một quá trình phát triển vô danh và không thể tránh khỏi, phấn đấu cho một sự tiến bộ nội tại có nguy cơ bỏ qua xác chết của những kẻ bại trận và bỏ rơi những người yếu thế. Không thể có sự hoàn thiện lịch sử của con người nếu không có công lý cho các nạn nhân, cũng như không thể có ý nghĩa của quá trình lịch sử nếu không tính đến nhu cầu của những người yếu thế nhất. Ý nghĩa thực sự và quyết định của công lý đang bị đe dọa. Trong Chúa Kitô, chúng ta được phép nhìn với hy vọng vào số phận đang chờ đợi chúng ta, không quên các nạn nhân của lịch sử, mà là vang vọng tiếng kêu than của họ.

98. Trong Chúa Giêsu chịu đóng đinh, Thiên Chúa gánh lấy toàn bộ sức nặng và sự khiêu khích của sự đau khổ vô tội trong sự liên hệ của Người với niềm hy vọng về công lý trọn vẹn, được kết nối với đức tin vào sự sống đời đời. [96] Đức tin vào Chúa Kitô mang lại một niềm hy vọng đã được công nhận trong cuộc sống, biến đổi nó, và đối mặt với cái chết, vượt lên trên nó. Giáo hội, với tư cách là sự hiệp thông của Các thánh, một cộng đồng kết nối những người đã hoàn toàn ở trong Vương quốc của Thiên Chúa và những người vẫn còn là lữ khách trên trái đất này, là một cộng đồng vượt qua cái chết mà không bỏ rơi lịch sử và mang đến một niềm hy vọng phổ quát đáp ứng khát vọng về công lý trọn vẹn và sự sống vĩnh cửu.

3. Ôn gọi toàn diện hướng đến sự viên mãn trong tình yêu

99. Sự tồn tại cá nhân được đặt trong một lịch sử, thời gian và không gian cụ thể, và thức tỉnh nhận thức về bản thân trong các mối quan hệ thể hiện sự thuộc về có trước và thiết lập nó. Theo cách này, nó khám phá lại ý nghĩa ban đầu của nó như một lời kêu gọi sống: "Điều này đưa chúng ta trở lại một chân lý cơ bản và nền tảng mà ngày nay chúng ta cần khám phá lại trong tất cả vẻ đẹp của nó: cuộc sống con người là một ơn gọi. Chúng ta đừng quên: chiều kích nhân học nằm dưới mỗi ơn gọi trong cộng đồng có liên quan đến một đặc điểm thiết yếu của con người nói chung: đó là chính con người là một ơn gọi." [97]

100. Sự tồn tại của mỗi con người được hiểu một cách đầy đủ khi nó được nhận ra như hoa trái của tình yêu sáng tạo của Chúa Cha, theo động lực của một lời kêu gọi sống và hạnh phúc. Mỗi con người được sinh ra bởi vì họ đã được Thiên Chúa nghĩ đến và mong muốn, Đấng đã yêu thương họ ngay cả trước khi hình thành họ trong bụng mẹ (xem Giê-rê-mi-a 1:5; I-sai-a 49:1, 5; Ga-lát 1:15). Ôn gọi thần linh này giải thích nguồn gốc của mẫu nhiệm cuộc sống con người, ở chỗ nó là một mẫu nhiệm của sự ưu ái và sự ban ơn tuyệt đối. Do đó, con người, dù hữu hạn, không thể bị giam cầm trong chiều kích đơn thuần của một sinh vật, và không định nghĩa nào có thể nắm bắt và bao quát hoàn toàn con người. [98] Tình yêu vĩnh cửu của Chúa Cha loại trừ khả thể sự hiện hữu của con người là kết quả của sự tất yếu hoặc ngẫu nhiên: mỗi sự tồn tại của con người đều có giá trị vô hạn trong chính nó. Từ quan điểm này, chúng ta hiểu rằng con người không thể bị lệ thuộc vào bất cứ biện pháp nào của một trật tự chính trị, kinh tế hoặc xã hội độc quyền làm giảm phẩm giá vô hạn của họ. [99]

101. Tri nhận rằng cuộc sống là một quà phúc từ Thiên Chúa truyền cảm hứng cho thái độ biết ơn ở con người, những người đáp lại lời kêu gọi bằng cách chấp nhận "lời mời trở thành một phần của câu chuyện tình yêu". [100] Tình yêu thần linh, từng tạo ra con người, đảm bảo rằng không ai nên cảm thấy "thừa thãi" trên thế giới, vì họ được kêu gọi đáp lại theo một kế hoạch do Chúa vạch ra cho họ. Cuộc sống như một ơn gọi, được hiểu theo nghĩa rộng, là đặc thù của mỗi con người, và bắt nguồn từ sự kiện đơn giản hiện hữu như những đứa con. Là một biểu thức của tư tưởng quan phòng của Đấng Tạo Hóa, kế hoạch thần linh được ngỏ cho mọi sinh vật theo những cách khác nhau. [101] Người Kitô hữu nhận ra rằng mình được kêu gọi "phục vụ truyền giáo cho người khác" [102] đến mức có thể nói về chính mình: "Tôi là một sai đi". [103] Con người, chính vì được kêu gọi, là một người đối thoại thực sự với Thiên Chúa; họ không tự giới hạn mình ở việc thụ động chấp nhận quà phúc mà, nhờ quà phúc đó, trở thành một người hành động tự do, có khả năng mang lại sự gia tăng điều tốt lành không chỉ cho những người khác mà còn cho chính nhiệm cục thần linh.

102. Cuộc sống được hiểu như ơn gọi được tiết lộ về mặt hiện sinh trong lời cầu nguyện. Thánh Augustinô nhận thức rõ ơn gọi bao gồm lời kêu gọi đi trước con người, đặt câu hỏi cho họ và ban cho họ một tương lai: "Đừng bỏ qua lời cầu khẩn của con bây giờ. Chúa đã đi trước con trước khi con cầu khẩn Chúa, nhấn mạnh với những lời kêu gọi ngày càng tăng và đa dạng để con có thể nghe thấy Chúa từ xa và quay lại, được Chúa gọi để cầu khẩn Chúa (*vocantem me invocarem te*)."

[104] Cầu nguyện là một thái độ đặc trưng của nhân loại. Trong nhiều hình thức ca ngợi, cầu thay, nhận biết điều tốt lành và tạ ơn, cầu nguyện bắt nguồn từ một cử chỉ sâu sắc của sự tin tưởng và liên tục cầu xin Thiên Chúa, Đấng ban cho chúng ta sự hiện hữu, đồng hành và hướng dẫn chúng ta trên đường đời. Đặc biệt trong các tôn giáo nhận Abraham làm tổ phụ, nó thể hiện mối quan hệ cá nhân với Thiên Chúa, Đấng mà chúng ta xưng hô với Ngài như một "Ngài -Thou": "lời cầu nguyện phổ biến nhất, hướng thẳng như một mũi tên vào Trái Tim Chúa Kitô, chỉ đơn giản nói: 'Con tin tưởng vào Chúa'".

[105] Trong lời cầu nguyện của Kitô giáo, mối quan hệ này được hiện thực hóa như sự tham gia vào mối quan hệ của Con Giêsu với Cha trong Chúa Thánh Thần. Đây là biểu thức của một thái độ nhân bản phó thác bản thân vượt ra ngoài mà không cần phải tan biến hay tự lên kế hoạch. Không phải ngẫu nhiên mà người ta không dễ dàng tìm thấy sự đề cập đến cầu nguyện trong các tuyên ngôn siêu nhân bản khác nhau, chứ đừng nói đến các tuyên ngôn hậu nhân bản.

103. Ngày nay, đặc biệt là ở phương Tây, một "văn hóa phi ơn gọi" thường được khuyến khích, trên thực tế cũng chịu khuất phục trước những thách thức nhân học đương thời. Đặc biệt, liên quan đến việc giáo dục thanh thiếu niên, không khó để thấy rằng sự hiểu biết về cuộc sống của họ thường thiếu sự cởi mở đối với một ý nghĩa tối thượng, cả về định hướng lẫn các mối quan hệ cấu thành. Họ không biết và không nhận ra rằng họ được kêu gọi. Việc lập kế hoạch cho tương lai bị giới hạn trong một luận lý học mà ở mức tốt nhất, chỉ còn là lựa chọn nghề nghiệp, ổn định kinh tế hoặc thỏa mãn một số nhu cầu nhất định: "Đây là những lựa chọn không có sự cởi mở nào đối với mầu nhiệm và siêu việt, và có lẽ cũng ít trách nhiệm đối với cuộc sống, của chính mình và của người khác, đối với cuộc sống được nhận như một quà phúc và được tạo ra ở người khác".

[106] Mô hình nhân học phổ biến dường như là mô hình "người không có ơn gọi", tác động của nó đến nhận thức về cuộc sống là cảm giác lạc lõng trong bi kịch của một sự hiện hữu không tìm thấy ý nghĩa và không có hy vọng gì về tương lai. Đó là lời mời gọi đến một "cuộc sống như một ơn gọi" có thể mở ra một chân trời vượt ra ngoài sự giả vờ tìm kiếm một "dự án cuộc sống" phù du hoàn toàn do cá nhân tự lập và lên kế hoạch, điều này nghịch lý thay lại phản ánh sự phù hợp với tư duy thống trị.

104. Đề xuất về cuộc sống như một ơn gọi có thể và phải truyền cảm hứng tích cực cho một "văn hóa ơn gọi" như một sự hiểu biết đầy đủ về quá trình trưởng thành bản sắc của các cá nhân và dân tộc. Đặc biệt đối với những người trẻ tuổi, văn hóa ơn gọi mở ra khả năng thực tế, bởi vì nó bắt nguồn từ lời kêu gọi của Thiên Chúa, để theo đuổi một con đường "được tạo nên từ tự do, nhiệt huyết, sáng tạo, những chân trời mới, nhưng đồng thời vun đắp những gốc rễ nuôi dưỡng và duy trì".

[107] Trong bối cảnh thuận lợi cho giáo dục ơn gọi, thái độ cảm xúc trước những món quà nhận được dễ dàng xuất hiện trở lại, điều này truyền cảm hứng cho ý thức trách nhiệm và sự cống hiến tự nguyện vì lợi ích của người khác, đặc biệt là những người cần giúp đỡ nhất.

105. Trong những suy nghĩ này, chúng ta thấy thái độ nội tâm của Đức Mẹ Maria: biết ơn ánh mắt của Thiên Chúa đã ngự trên Mẹ, trao phó những nỗi sợ hãi và phiền muộn của mình trong đức tin, can đảm đón nhận lời kêu gọi, Mẹ đã biến cuộc đời mình thành một bài ca ngợi muôn đời dành cho Chúa. [108] Trong hình ảnh của Đức Mẹ Maria, chúng ta thấy một sự nhận thức nổi bật về cuộc sống như một ơn gọi, được hiểu như một quá trình, đặc trưng của những người độc đáo và tự do, được sống trong lòng biết ơn và tin tưởng hơn là như một dự án tự hiện thực hóa. Đức Mẹ Maria đã hoàn thành quá trình này một cách trực tiếp, đối diện với những câu hỏi và khó khăn của mình khi còn rất trẻ. Mẹ biết cách nhìn bằng trái tim và đối thoại với những kinh nghiệm mà Mẹ đã tích lũy được, suy niệm về chúng theo thời gian. [109]